CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM
DN: c=VN, st=HỒ CHÍ MINH, l=QUẬN 1, cn=CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM, 0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0302991607
Date: 2026.06.26 16:37:30 +07'00'

*Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("**UBCKNN**") cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ này ra công chúng chỉ có nghĩa là việc đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ này đã thực hiện theo các quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của Quỹ.*

BẢN CÁO BẠCH

QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU TẬP TRUNG CỔ TỨC DC (DCDE)

Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng:	Số 06/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 16 tháng 12 năm 2013
Loại hình Quỹ:	Quỹ đại chúng dạng mở
Ngày đăng ký Bản cáo bạch với UBCKNN:	Ngày 11/06/2026
Thời hạn hiệu lực của Bản cáo bạch:	Bản cáo bạch này được cập nhật và có hiệu lực kể từ 14h30 ngày 26/06/2026 Bản cáo bạch có thể được cập nhật khi phát sinh các thông tin quan trọng hoặc có thể được cập nhật định kỳ ít nhất một (01) năm một (01) lần.
Tiêu đề của Bản cáo bạch:	Bản cáo bạch Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tập trung Cổ tức DC (DCDE).
Thông cáo nội dung sau:	Quỹ đầu tư chứng khoán được mô tả trong Bản cáo bạch này là Quỹ được thành lập theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bản cáo bạch này đã được đăng ký với UBCKNN ngày 11/06/2026.

Nơi cung cấp Bản cáo bạch và các báo cáo định kỳ:

Bản cáo bạch, báo cáo hoạt động định kỳ và báo cáo tài chính được cung cấp tại các địa chỉ sau dưới hình thức bản sao giấy hoặc định dạng văn bản điện tử:

1. **Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam**

   Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
   Điện thoại: (84-28) 3825 1488 Fax: (84-28) 3825 1489

   Trang thông tin điện tử: www.dragoncapital.com.vn

2. Địa điểm đăng ký của các **Đại lý Phân phối Chứng chỉ Quỹ DCDE** theo danh sách tại Phụ Lục 1 của Bản cáo bạch này.

Phụ trách công bố thông tin:

Ông LÊ HOÀNG ANH — Quyền Giám đốc, Nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư

Địa chỉ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM)

Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84-28) 3825 1488 Fax: (84-28) 3825 1489

THÔNG TIN VÀ KHUYẾN NGHỊ QUAN TRỌNG

Dưới đây là những thông tin quan trọng dành cho Nhà đầu tư trước khi thực hiện việc đăng ký mua chứng chỉ QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU TẬP TRUNG CỔ TỨC DC – sau đây gọi tắt là Quỹ hoặc Quỹ DCDE (như được định nghĩa chi tiết hơn tại Chương II của Bản cáo bạch này). Nhà đầu tư cần đọc và nghiên cứu kỹ trước khi quyết định đầu tư vào Quỹ.

Chứng chỉ Quỹ DCDE được phép phát hành ra công chúng dựa trên những thông tin và cam kết được công bố tại Bản cáo bạch này. Bất kỳ thông tin hoặc cam kết nào khác do bên môi giới, Đại lý Phân phối hoặc bất kỳ tổ chức/cá nhân nào khác đưa ra sẽ không được xem là đưa ra theo sự ủy quyền của Quỹ, Công ty Quản lý quỹ hoặc người đại diện của Quỹ hoặc Công ty Quản lý quỹ. Không một tổ chức/cá nhân nào có quyền đưa ra bất kỳ thông tin hoặc cam kết nào khác với những nội dung trong Bản cáo bạch này và các văn kiện đính kèm. Chứng chỉ Quỹ DCDE được phát hành dựa trên những thông tin và cam kết được công bố trong Bản cáo bạch. Việc lưu hành Bản cáo bạch cũng như phân phối hoặc phát hành Chứng chỉ Quỹ DCDE trong bất kỳ trường hợp nào cũng không ám chỉ việc sẽ không có bất kỳ thay đổi nào về tình hình hoạt động của Quỹ sau ngày Bản cáo bạch này có hiệu lực.

Bản cáo bạch này không được xem là việc chào bán hoặc thuyết phục bởi bất kỳ tổ chức/cá nhân nào tại bất kỳ quốc gia nào mà việc chào bán hoặc thuyết phục đó không được cho phép hoặc chào bán hoặc thuyết phục cho bất kỳ tổ chức/cá nhân nào là đối tượng không được phép chào bán hoặc thuyết phục theo quy định pháp luật của quốc gia đó. Việc lưu hành Bản cáo bạch và phân phối Chứng chỉ Quỹ DCDE ở một số quốc gia có thể bị giới hạn bởi pháp luật của quốc gia đó.

Nhà đầu tư có nhu cầu đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ DCDE có trách nhiệm cập nhật, tìm hiểu (bao gồm cả việc tham khảo ý kiến chuyên gia) để nắm rõ và tuân thủ bất kỳ hạn chế nào nêu trên cùng với các chính sách, quy định tại quốc gia mà Nhà đầu tư cư trú, có quốc tịch hoặc quốc gia có thẩm quyền tài phán đối với Nhà đầu tư trên cơ sở khác mà có thể điều chỉnh việc mua, bán và nắm giữ Chứng chỉ Quỹ DCDE của Nhà đầu tư. Các chính sách, quy định này có thể là về quản lý ngoại hối, thuế hoặc các lĩnh vực khác.

Nhà đầu tư cần đọc kỹ (i) Bản cáo bạch này, (ii) Điều lệ Quỹ và (iii) các tài liệu khác có liên quan đến Quỹ DCDE được Công ty Quản lý quỹ và các Đại lý Phân phối do Công ty Quản lý quỹ chỉ định cung cấp, được nêu trong Bản cáo bạch này và được cung cấp trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ trước khi đầu tư vào Quỹ; và nên chú ý đến các khoản giá dịch vụ khi giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

Nhà đầu tư cần lưu ý rằng:

- Giá giao dịch Chứng chỉ Quỹ có thể thay đổi phụ thuộc vào tình hình thị trường và Nhà đầu tư có thể chịu thiệt hại về số vốn đầu tư vào Quỹ;
- Các thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ trước đây, khả năng sinh lời và mức rủi ro được xác định trong Bản cáo bạch hoặc trong các tài liệu khác nêu trên chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ sinh lời cho Nhà đầu tư; và
- Nhà đầu tư cũng cần xem xét kỹ các yếu tố rủi ro trong việc đầu tư vào Chứng chỉ Quỹ DCDE được nêu trong Bản cáo bạch này.

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 1
1. Công ty Quản lý quỹ 1
2. Ngân hàng Giám sát 1
II. CÁC THUẬT NGỮ/ĐỊNH NGHĨA 1
III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ 5
1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam 5
2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư 6
IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 7
1. Các thông tin chung về Công ty Quản lý quỹ 7
2. Tình hình hoạt động của Công ty Quản lý quỹ DCVFM 10
V. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 11
VI. CÔNG TY KIỂM TOÁN 11
VII. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ 12
VIII. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN 12
1. Tổ chức cung cấp Dịch vụ Quản trị quỹ 12
2. Tổ chức cung cấp Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng 12
IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ 12
1. Thông tin chung về Quỹ 12
2. Tóm tắt Điều lệ Quỹ 13
3. Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ 13
X. PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ CÁC LẦN TIẾP THEO 15
1. Căn cứ pháp lý 15
2. Phương án phát hành lần đầu 16
3. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ các lần tiếp theo 16
4. Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ 25
5. Thông tin hướng dẫn tham gia đầu tư vào Quỹ và thực hiện giao dịch 31
XI. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ 31
1. Báo cáo tài chính 31
2. Tình hình phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ 31
3. Giá dịch vụ 32
4. Các chỉ tiêu hoạt động 34
5. Phương pháp tính thu nhập và kế hoạch phân phối lợi nhuận 34
6. Dự báo kết quả hoạt động của Quỹ 35
XII. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH 35
XIII. CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO 36
XIV. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ 36
XV. CAM KẾT 36
XVI. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM 36
Phụ Lục 1. DANH SÁCH CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHÍNH THỨC CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU TẬP TRUNG CỔ TỨC DC (DCDE) 38
1. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM (DCVFM) 38
2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH (HSC) 38
3. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM (KIS) 38
4. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT (VNDIRECT) 38
5. CÔNG TY CỔ PHẦN FINCORP (Fmarket) 38
6. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FINHAY (trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina) 39
7. CÔNG TY CỔ PHẦN DIGI INVEST 39
8. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPBANK 39
9. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG 39
10. CÔNG TY CỔ PHẦN INVESTINGPRO 39
11. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM) 39
12. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET (VIỆT NAM) 40
13. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB 40
14. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ACB 40
15. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI 40
Phụ Lục 2. QUY TRÌNH VÀ CÁC HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ 42
1. Mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ 42
2. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ 42
Phụ Lục 3. TÓM TẮT ĐIỀU LỆ 44
1. Các điều khoản chung 44

2. Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế đầu tư 44
3. Đặc trưng của Chứng chỉ Quỹ 49
4. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, thanh lý, giải thể quỹ 50
5. Cơ chế giao dịch Chứng chỉ Quỹ 50
6. Nguyên tắc xác định giá giao dịch Đơn vị Quỹ 50
7. Các mức giá dịch vụ do Nhà đầu tư trả 51
8. Thông tin về các mức giá dịch vụ mà Quỹ phải trả 51
9. Phân chia lợi nhuận và chính sách thuế 52
10. Đại hội Nhà đầu tư 53
11. Ban đại diện Quỹ 54
12. Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty Quản lý quỹ 55
13. Tiêu chuẩn lựa chọn, quyền hạn và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát 56
14. Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo 56

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Công ty Quản lý quỹ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM

- Ông DOMINIC TIMOTHY CHARLES SCRIVEN — Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông LÊ ANH TUẤN — Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Ông NGUYỄN NGỌC HIỆP — Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Ngân hàng Giám sát

NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN STANDARD CHARTERED (VIỆT NAM)

Đại diện theo pháp luật: Bà NGUYỄN THÚY HẠNH

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM) lập sau khi có xác nhận của Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam). Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan cung cấp.

Ngân hàng Giám sát chỉ xác nhận các thông tin có liên quan đến Ngân hàng Giám sát trong Bản cáo bạch này và chịu trách nhiệm trong phạm vi liên quan đến hoạt động của Ngân hàng Giám sát trên cơ sở hợp đồng cung cấp dịch vụ giám sát quỹ giữa Ngân hàng Giám sát với Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam là Công ty Quản lý quỹ của Quỹ DCDE, phù hợp với quy định pháp luật.

II. CÁC THUẬT NGỮ/ĐỊNH NGHĨA

Các thuật ngữ được viết hoa dùng trong suốt Bản cáo bạch này sẽ có nghĩa như sau:

"Bản cáo bạch"	Là bản cáo bạch này (bao gồm cả phụ lục đính kèm) là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và phát hành Chứng chỉ Quỹ.
"Ban đại diện Quỹ"	Là những người đại diện cho Nhà đầu tư được Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để thay mặt Nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ DCDE, Công ty Quản lý quỹ DCVFM và Ngân hàng Giám sát.
"Chứng chỉ Quỹ DCDE" hoặc "Chứng chỉ Quỹ"	Là loại chứng khoán do Công ty Quản lý quỹ đại diện cho Quỹ DCDE phát hành, dưới dạng bút toán hoặc ghi sổ, xác nhận quyền sở hữu của Nhà đầu tư đối với một phần vốn góp tại Quỹ. Mệnh giá 01 Chứng chỉ Quỹ là 10.000 đồng.
"Công ty Kiểm toán"	Là công ty kiểm toán độc lập của Quỹ DCDE, thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ DCDE và nằm trong Danh sách Công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Công ty kiểm toán do Đại hội Nhà đầu tư chỉ định.
"Công ty Quản lý quỹ" hoặc **"Công ty Quản lý**	Là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số

quỹ DCVFM" hoặc **"DCVFM"**	45/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 08 tháng 01 năm 2009, Giấy phép điều chỉnh số 88/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 30 tháng 12 năm 2020 (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm), và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302991607 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08 tháng 01 năm 2009 (và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm), với lĩnh vực hoạt động là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán. Công ty Quản lý quỹ DCVFM được Nhà đầu tư ủy thác quản lý Quỹ DCDE, có quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ Quỹ.
"Dịch vụ Quản trị quỹ"	Là dịch vụ quản trị Quỹ được Công ty Quản lý quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau: - Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào Quỹ; - Lập báo cáo tài chính Quỹ; phối hợp, hỗ trợ Công ty Kiểm toán trong việc thực hiện kiểm toán cho Quỹ; - Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ; - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch và hợp đồng ký với Công ty Quản lý quỹ.
"Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng"	Là dịch vụ đại lý chuyển nhượng được Công ty Quản lý quỹ tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau: - Lập và quản lý Sổ chính; mở và theo dõi quản lý hệ thống các tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ, tài khoản ký danh của Đại lý Phân phối và các tiểu khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư; xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ; - Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà đầu tư; chuyển quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ; cập nhật Sổ chính; - Hỗ trợ Nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư; - Duy trì kênh liên lạc với Nhà đầu tư, Đại lý Phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác; - Cung cấp sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch, báo cáo hoạt động Quỹ và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư; - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và hợp đồng ký với Công ty Quản lý quỹ.
"Đại hội Nhà đầu tư"	Là đại hội của Nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ DCDE. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ DCDE.
"Đại lý Ký danh"	Là Đại lý Phân phối đứng tên tài khoản ký danh, thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ thay mặt cho các Nhà đầu tư tại Sổ phụ.

"Đại lý Phân phối"	Là tổ chức đã ký hợp đồng phân phối Chứng chỉ Quỹ với Công ty Quản lý quỹ. Danh sách các Đại lý Phân phối được đính kèm tại Phụ lục 1 của Bản cáo bạch.
"Điều lệ Quỹ"	Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ DCDE được Đại hội Nhà đầu tư thông qua tại Đại hội Nhà đầu tư. Điều lệ được soạn thảo phù hợp với các văn bản pháp luật có liên quan tại Việt Nam.
"Đơn vị Quỹ"	Là Vốn điều lệ được chia thành nhiều đơn vị bằng nhau với mệnh giá của đợt phát hành lần đầu là 10.000 đồng/đơn vị. Mỗi Đơn vị Quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quỹ.
"FATCA"	Là đạo luật tuân thủ thuế đối với các tài khoản nước ngoài của Hoa Kỳ.
"Giá bán" hoặc "Giá phát hành"	Là mức giá mà Nhà đầu tư phải thanh toán để mua một Đơn vị Quỹ, được xác định theo Điều lệ Quỹ.
"Giá dịch vụ mua lại"	Là giá dịch vụ mà nhà đầu tư phải trả khi bán một Đơn vị Quỹ cho Quỹ, được quy định tại Điều lệ Quỹ, như được tóm tắt tại Điều 3.5 Chương X của Bản cáo bạch này.
"Giá dịch vụ phát hành"	Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả khi mua một Đơn vị Quỹ, được quy định tại Điều lệ Quỹ, như được tóm tắt tại Điều 3.6 Chương X của Bản cáo bạch này.
"Giá dịch vụ quản lý quỹ"	Là giá dịch vụ phải trả cho Công ty Quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ, được quy định tại Điều lệ Quỹ, như được tóm tắt tại Điều 3.1 Chương XI của Bản cáo bạch này.
"Giá mua lại"	Là mức giá mà Công ty Quản lý quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà đầu tư một Đơn vị Quỹ, được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ, trừ đi giá dịch vụ mua lại .
"Giá trị tài sản ròng của Quỹ" hoặc "NAV"	Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ DCDE sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ DCDE tại ngày gần nhất trước Ngày Định giá.
"Hợp đồng Giám sát"	Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty Quản lý quỹ DCVFM và Ngân hàng Giám sát được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư.
"KYC"	Là nhận biết khách hàng.
"Ngân hàng Giám sát"	Là Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam), một ngân hàng 100% vốn nước ngoài, thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 56/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 27 tháng 11 năm 2023, được cấp đổi cho Giấy phép số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08 tháng 9 năm 2008 cùng các văn bản chấp thuận có liên quan đến việc sửa đổi bổ sung Giấy phép (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm) và được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/GCN-UBCK ngày 07 tháng 5 năm 2015 (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm), thực hiện các nghiệp vụ: bảo quản, lưu ký các chứng khoán, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ, đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

"Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ" hoặc "Ngày Giao dịch"	Là ngày mà Công ty Quản lý quỹ, thay mặt Quỹ, phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ từ Nhà đầu tư theo cơ chế giao dịch của Quỹ được quy định tại Điều lệ Quỹ/Bản cáo bạch này.
"Ngày Định giá"	Là ngày mà Công ty Quản lý quỹ DCVFM xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ, được quy định tại Điều lệ Quỹ.
"Ngày làm việc"	Là ngày không phải là thứ bảy, chủ nhật, ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật Việt Nam.
"Năm tài chính"	Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm.
"Nhà đầu tư"	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ Chứng chỉ Quỹ DCDE.
"Người có liên quan"	Như được định nghĩa theo khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021 (như được sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm).
"PCRT"	Là phòng chống rửa tiền.
"Quỹ" hoặc "Quỹ DCDE"	Là Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tập trung Cổ tức DC, là quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở được chuyển đổi từ Quỹ đầu tư VF4 dạng đóng, thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng, được thành lập theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ Quỹ.
"Sở Giao dịch Chứng khoán"	Là Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.
"Sổ chính"	Là tài liệu dưới dạng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai ghi nhận các thông tin về Nhà đầu tư do Công ty Quản lý quỹ hoặc Tổ chức cung cấp Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng lập và quản lý.
"Sổ đăng ký Nhà đầu tư"	Là Sổ chính và/hoặc Sổ phụ.
"Sổ phụ"	Là sổ ghi nhận các thông tin về Nhà đầu tư do Đại lý Ký danh lập và quản lý theo ủy quyền của Công ty Quản lý quỹ.
"Thời điểm đóng sổ lệnh"	Là thời điểm cuối cùng mà Đại lý Phân phối nhận lệnh giao dịch Nhà đầu tư để thực hiện trong Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ, được quy định tại Điều 3.9 Chương X của Bản cáo bạch này.
"Tổ chức cung cấp Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng"	Là tổ chức cung cấp dịch vụ được Công ty Quản lý quỹ ủy quyền thực hiện Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng, có thông tin được nêu tại Điều 2 Chương VIII của Bản cáo bạch này.
"Tổ chức cung cấp Dịch vụ Quản trị quỹ"	Là tổ chức cung cấp dịch vụ được Công ty Quản lý quỹ ủy quyền thực hiện Dịch vụ Quản trị quỹ, có thông tin được nêu tại Điều 1 Chương VIII của Bản cáo bạch này.
"UBCKNN"	Là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam.
"Vốn điều lệ"	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà đầu tư thực góp tại đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ Quỹ.
"Mức phòng vệ thanh khoản"	là mức áp dụng đối với Nhà đầu tư khi thực hiện bán Chứng chỉ Quỹ trong điều kiện tính thanh khoản của Quỹ sụt giảm do nguyên nhân bất khả kháng.

Các thuật ngữ khác	Các thuật ngữ khác được dùng mà không được định nghĩa (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản quy phạm pháp luật khác liên có quan.

III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam

Kinh tế vĩ mô của Việt Nam bước sang năm 2026 với nền tảng tích cực nhờ hoạt động thương mại tăng trưởng mạnh mẽ, giải ngân đầu tư công tăng tốc và lạm phát hạ nhiệt.

Kim Ngạch Xuất Khẩu và Kim Ngạch Nhập Khẩu tháng 2/2026 tăng lần lượt 5,7% và 4,4% nhờ thương mại các sản phẩm điện tử với Mỹ và Trung Quốc mạnh mẽ. Theo đó, thương mại tăng trưởng lần lượt 18,3% và 26,3% trong 2 tháng đầu năm 2026, và tăng lần lượt 18,3% và 26,3% so với cùng kỳ. Tăng trưởng sản xuất cũng được hỗ trợ với chỉ số PMI tăng lên 54,3 trong tháng 2, mức cao nhất trong 4 tháng, cho thấy sản lượng, số lượng đơn đặt hàng mới và niềm tin kinh doanh cải thiện. Tuy nhiên, nhu cầu trong nước tiếp tục có dấu hiệu suy yếu với doanh số bán lẻ hàng hóa và dịch vụ giảm 1,5% so với tháng trước trong tháng 2, bất chấp kỳ nghỉ Tết thường chi tiêu mạnh hơn, tương đương tăng trưởng so với cùng kỳ hạ nhiệt xuống 8,5% trong tháng 2 và 7,9% trong 2 tháng đầu năm 2026.

Trong khi đó, đầu tư công cũng tăng trưởng chậm lại, với đầu tư từ ngân sách nhà nước chỉ tăng 0,4% so với cùng kỳ trong tháng 2, và tăng 11,5% so với cùng kỳ trong 2 tháng đầu năm 2026, thấp hơn đáng kể so với mức tăng 24,6% cùng kỳ năm ngoái, cho thấy kế hoạch chi tiêu của Chính phủ khởi đầu chậm hơn.

Đối với hoạt động quốc tế, FDI thực hiện vẫn ổn định, tăng 8,8% so với cùng kỳ trong 2 tháng đầu năm 2026, mặc dù FDI đăng ký giảm 12,6% so với cùng kỳ do góp vốn & mua cổ phần và vốn bổ sung cho các dự án hiện hữu sụt giảm.

Ngoài ra, cán cân thương mại của Việt Nam thâm hụt 3 tỷ USD trong 2 tháng đầu năm 2026, trong khi đồng VND mất giá nhẹ trong bối cảnh đồng USD mạnh lên trong tháng 2. Tình hình nhu cầu suy yếu trái ngược với xu hướng gia tăng của lạm phát, tăng tốc lên 3,35% so với cùng kỳ trong tháng 2, chủ yếu do giá lương thực và thực phẩm. Giá dầu đã vượt mức 100 USD/thùng trong thời điểm đầu tháng 3 giữa lúc căng thẳng leo thang giữa Mỹ, Israel & Iran, nếu giá dầu tăng trong thời gian dài sẽ khiến lạm phát vượt dự báo năm 2026 (3,9%) do giá nhóm nhiên liệu chiếm khoảng 4% giỏ CPI, trong đó giá dầu tăng bình quân 25% có thể đóng góp tăng khoảng 1 điểm phần trăm cho lạm phát. Điều này cũng làm tăng nguy cơ lạm phát vượt mức trần 4,5% của Chính phủ, có khả năng khiến NHNN phải thắt chặt chính sách tiền tệ.

Tổng kết, các điều kiện kinh tế vĩ mô có thể trở nên khó khăn hơn, cho thấy tăng trưởng GDP Q1/2026 có thể khó vượt mức mục tiêu (7.5%), cùng với rủi ro không hoàn thành mục tiêu tăng trưởng 8% của Chính phủ trong Q1/2026 và 10% năm 2026.

Chính phủ Việt Nam vẫn sẽ tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ và tài khóa ổn định

Chính phủ đã có những chính sách và hành động quyết liệt ngay trong trong giai đoạn đầu năm 2026. Với chủ trương duy trì chính sách tiền tệ ổn định, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã giao hạn mức tín dụng cho các ngân hàng thương mại với định hướng tăng trưởng cả hệ thống năm 2026 là 15%. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng đã đưa ra định hướng sẽ không thay đổi lãi suất điều hành trong quý I năm 2026, mặc dù các ngân hàng thương mại tiếp tục gia tăng lãi suất huy động và cho vay.

Chính sách tài khóa năm 2026 - thực thi là chìa khoá

Bước vào năm 2026, Việt Nam sở hữu dư địa tài khóa dồi dào và bảng cân đối ngân sách lành mạnh hàng đầu khu vực. Việc Quốc hội cho phép Chính phủ được sửa đổi các luật và nghị quyết liên quan đến tăng trưởng từ đầu năm 2027 mang lại sự linh hoạt và chủ động trong thực thi chính sách. Thách thức lớn nhất không nằm ở năng lực tài khóa, mà ở hiệu quả triển khai. Giải ngân nhanh và đúng mục đích nguồn vốn đầu tư công – đặc biệt trong hạ tầng, năng lượng và logistics sẽ là yếu tố then chốt giúp duy trì tốc độ tăng trưởng vượt tiềm năng.

2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư

Thị trường chứng khoán năm 2026

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2025 khởi đầu với tâm lý đầy lạc quan khi trước ngưỡng cửa của một chu kỳ tăng trưởng mới. Chỉ số VN-Index đã phục hồi 55% so với đáy tháng 4/2025 và đang hướng tới năm tăng điểm thứ ba liên tiếp. Việc chuyển đổi trạng thái từ phục hồi hậu khủng hoảng sang **tăng trưởng** bền vững đang diễn ra rõ nét, với sự đồng hành của nhà đầu tư trong nước, giúp cải thiện thanh khoản, cùng những bước đi mạnh mẽ của quá trình cải cách thể chế.

Năm 2026 đánh dấu năm đầu tiên của Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội 5 năm (2026–2030), đồng thời cũng có thể là chu kỳ chính sách tham vọng nhất trong lịch sử của Việt Nam. Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP 10%, thể hiện quyết tâm rút ngắn khoảng cách phát triển với các nước trong khu vực và tiến gần hơn đến nhóm quốc gia thu nhập trung bình cao trong thập kỷ tới. Với đà cải cách đang đẩy mạnh và chính sách điều hành ngày càng linh hoạt, năm 2026 có thể trở thành bước ngoặt đột phá nếu quá trình thực thi được triển khai hiệu quả.

Phát triển Thị trường Vốn Việt Nam: Từ Cận biên đến Thị trường Mới nổi

Song song với tiến trình cải cách thể chế toàn diện, thị trường vốn Việt Nam đang trải qua một giai đoạn chuyển mình mạnh mẽ. Nỗ lực hướng tới nâng hạng lên Thị trường Mới nổi theo tiêu chuẩn của FTSE Russell thể hiện rõ quyết tâm của Chính phủ trong việc hội nhập sâu hơn với chuẩn mực quốc tế và thu hút dòng vốn tổ chức dài hạn. Việc được FTSE nâng hạng không chỉ mang tính biểu tượng mà còn đánh dấu bước ngoặt cấu trúc trong mô hình tăng trưởng của Việt Nam. Với tỷ lệ tín dụng/GDP tiệm cận 140%, nền kinh tế không thể mãi dựa vào hệ thống ngân hàng như kênh cung vốn chủ đạo. Việc phát triển thị trường vốn sâu rộng hơn sẽ giúp đa dạng hóa kênh huy động, phân tán rủi ro, và huy động nguồn vốn dài hạn cho đầu tư hạ tầng, đổi mới sáng tạo và mở rộng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Chủ đề đầu tư và triển vọng ngành

Bước sang năm 2026, câu chuyện của thị trường Việt Nam đang chuyển từ giai đoạn phục hồi trên diện rộng sang giai đoạn dẫn dắt có chọn lọc. Năm 2026 được dự báo sẽ là thời điểm dành cho các nhà đầu tư tập trung vào sức bền lợi nhuận, kỷ luật định giá và các động lực tăng trưởng mang tính toàn diện, thay vì chỉ chạy theo đà tăng ngắn hạn. Ngành ngân hàng tiếp tục đóng vai trò trụ cột của thị trường, được hỗ trợ bởi tăng trưởng tín dụng vững chắc và lợi nhuận khả quan. Nhóm tiêu dùng và bán lẻ được kỳ vọng phục hồi nhờ thu nhập khả dụng tăng. Các chủ đề bất động sản và hạ tầng vẫn duy trì sức hấp dẫn nhờ đầu tư công. Nhóm phân bón và hóa chất ghi nhận đà tăng trưởng ổn định, trong khi ngành công nghệ thông tin dẫn đầu bởi FPT đang hồi phục sau giai đoạn điều chỉnh. Các công ty chứng khoán tiếp tục hưởng lợi từ thanh khoản thị trường dồi dào. Năm 2026 sẽ không còn là giai đoạn "nước lên thuyền lên", mà sẽ là môi trường đầu tư của những nhà đầu tư chọn lọc cổ phiếu, ưu tiên chất lượng hơn là động lượng.

Rủi ro và các yếu tố cần theo dõi

Mặc dù triển vọng năm 2026 nhìn chung là tích cực, nhưng vẫn có một số mất cân đối ngắn hạn có thể ảnh hưởng đến tâm lý thị trường. Dư nợ cho vay ký quỹ ở mức cao làm gia tăng rủi ro biến động khi tâm lý nhà đầu tư cá nhân thay đổi. Chu kỳ bất động sản dù đang ổn định nhưng có thể ghi nhận nhu cầu chậm lại, ảnh hưởng đến nhu cầu tín dụng đối với hệ thống ngân hàng. Đối với thị trường quốc tế, căng thẳng thương mại và sự dịch chuyển dòng vốn có thể tạo sức ép lên khu vực xuất khẩu và tỷ giá VND. Việc triển khai các cải cách cũng cần được theo dõi sát sao, trong bối cảnh hiện tại nhìn chung tiến độ vẫn đi đúng hướng. Nhìn chung, các rủi ro hiện hữu được đặt trong bối cảnh nền tảng kinh tế – thị trường đang củng cố sức mạnh, giúp hạn chế tác động tiêu cực ngắn hạn. Những nhịp điều chỉnh là điều tự nhiên trong giai đoạn đầu của thị trường giá lên, góp phần củng cố nền tảng tăng trưởng. Với định giá vẫn ở mức hấp dẫn và các yếu tố nâng hạng còn nguyên hiệu lực, triển vọng trung hạn của thị trường tiếp tục được đánh giá tích cực.

IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. Các thông tin chung về Công ty Quản lý quỹ

1.1 Thông tin cơ bản

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM**
- Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số: 45/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 08/01/2009 và Giấy phép điều chỉnh số 88/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 30/12/2020, và các sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0302991607 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 08/01/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 08/10/2025.
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, số 02 Ngô Đức Kế, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (84-28) 3825 1488 Fax: (84-28) 3825 1489
- Thời hạn hoạt động (nếu có): 50 năm kể từ ngày được cấp giấy phép thành lập và hoạt động
- Vốn điều lệ: 312.011.430.000 đồng

1.2 Thông tin về cổ đông của Công ty Quản lý quỹ:

Các cổ đông của Công ty Quản lý quỹ khi thành lập năm 2003:

Tên cổ đông	Giá trị góp vốn pháp định theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ sở hữu
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín	5.600.000.000	70,00%
Dragon Capital Management Limited	2.400.000.000	30,00%
	8.000.000.000	**100,00%**

Các cổ đông của Công ty Quản lý quỹ sở hữu từ 5% trở lên vốn điều lệ tại 20/01/2026:

Tên cổ đông	Giá trị góp vốn theo mệnh giá *(VND)*	Tỷ lệ sở hữu (%)
Dragon Capital Markets (Europe) Limited	149.773.410.000	48,00254%
Dragon Capital Investment Management Limited	124.641.180.000	39,94763%

1.3 Giới thiệu về cơ cấu Hội đồng Quản trị (cơ cấu, thông tin tóm tắt các thành viên)

1.3.1 Ông Dominic Timothy Charles Scriven — Chủ tịch Hội đồng Quản trị (HĐQT)

Ông Dominic Scriven Timothy Charles Scriven, quốc tịch Anh tốt nghiệp đại học Exeter University với hai bằng đại học chuyên ngành Luật và Xã hội học. Sau thời gian làm việc trong lĩnh vực tài chính ở London và Hongkong, ông đồng sáng lập và điều hành công ty Dragon Capital, công ty quản lý tài sản lớn nhất Việt Nam trong hơn 30 năm qua. Ông được trao tặng Huân Chương OBE từ Nữ Hoàng Anh năm 2006 và Huân Chương Lao Động của Chủ Tịch Nước Việt Nam vào năm 2014. Trong lĩnh vực kinh doanh, ông là người tích cực thúc đẩy phát triển thị trường tài chính, quản trị tốt và đặc biệt chú trọng vào sự bền vững của nguồn vốn tự nhiên. Năm 2019, ông đã tài trợ dự án "Nghiên cứu Kinh tế đa dạng sinh học Dragon Capital tại trường đại học Exeter, Anh Quốc". Về cá nhân, ông rất thích và đam mê sưu tập bảo tồn tranh ảnh nghệ thuật Việt Nam đến các lĩnh vực đa dạng sinh học cũng như nỗ lực ngăn chặn việc mua bán trái phép động vật hoang dã.

Vào tháng 12/2020, ông Dominic Scriven Timothy Charles Scriven được chính thức đề cử làm chủ tịch HĐQT Công ty DCVFM.

1.3.2 Ông Lê Anh Minh — Thành viên HĐQT

Ông Lê Anh Minh tốt nghiệp cử nhân ngành Quản Trị và Kinh Tế của Đại học Ngân hàng Việt Nam năm 1991. Sau đó, ông bắt đầu làm việc với công ty Peregrine Capital Việt Nam chịu trách nhiệm phần tài chính công ty và mảng đầu tư của các tổ chức tài chính. Trong thời gian đó, ông đã hoàn thành việc tiếp quản lần đầu tiên tại Việt Nam một ngân hàng thương mại địa phương (Ngân hàng Đại Nam). Sau đó, được sự bổ nhiệm của Peregrine, ông đã thành công trong việc tái cơ cấu ngân hàng Đại Nam trong vòng 1 năm. Ông đã từng giám sát bộ phận Phát triển kinh doanh và phòng Tín dụng với chức danh Phó tổng Giám đốc Ngân hàng Đại Nam từ 1994 – 1996. Sau khi hoàn tất chương trình học thạc sỹ tại Trường Kinh doanh Wharton, Đại học Pennsilvania theo chương trình Fulbright (Hoa Kỳ) năm 1998, ông trở về Việt Nam và làm việc cho tập đoàn Coca Cola Đông Nam Á với chức vụ Giám đốc Tài chính trong 4 năm. Ông Minh gia nhập Dragon Capital vào năm 2002 với vị trí Giám đốc Tài chính và được bổ nhiệm làm Giám đốc Điều hành năm 2015. Ông đã rời vị trí này vào tháng 12 năm 2017 để tiếp tục nghiên cứu bậc tiến sĩ về kinh doanh. Ông Minh hiện là thành viên HĐQT Công ty DCVFM và Công ty cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC).

1.3.3 Ông Beat Schurch — Thành viên HĐQT

Ông Beat Schurch tốt nghiệp thạc sĩ ngành kinh tế tại Đại học St. Gallen, Thụy Sĩ vào năm 1992 và sau đó làm việc tại khu vực Đông Nam Á. Ông làm việc cho các công ty thương mại và sản xuất của Thụy Sỹ khắp khu vực Đông Nam Á trong 10 năm. Ông chuyển từ lĩnh vực marketing và dự án sang quản lý và điều hành trong các lĩnh vực đa dạng như năng lượng, chăm sóc sức khỏe, hóa chất, sản phẩm tiêu dùng và linh kiện máy móc. Năm 2002, ông sang Thái Lan làm Trưởng bộ phận tư vấn đầu tư của Synovate. Năm 2006, ông làm việc cho Indochina Capital Group tại Việt Nam ở vị trí Giám đốc tài chính và sau đó trở thành Giám đốc Điều hành của Đơn vị Kinh doanh nguồn vốn của Indochina Capital Group. Năm 2010, ông gia nhập Dragon Capital Group với vị trí Giám đốc Điều hành và được bổ nhiệm làm Tổng Giám Đốc vào tháng 12 năm 2017. Từ tháng 12 năm 2020, ông là thành viên HĐQT Công ty DCVFM và là Tổng Giám đốc kiêm người đại diện theo pháp luật của Công ty DCVFM. Từ tháng 10 năm 2025, ông Beat rời vị trí Tổng Giám đốc và tập trung cho nhiệm vụ của thành viên HĐQT.

1.3.4 Ông Johan Nyvene (Nguyễn Quốc Huân) — Thành viên độc lập HĐQT

Ông Johan Nyvene được bầu là Chủ tịch Hội đồng Quản trị cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) từ tháng 04/2021. Ông có hơn 13 năm gắn bó với HSC trong cương vị là Tổng Giám đốc và là thành viên HĐQT tham gia điều hành từ 2007 đến tháng 03/2020. Trong suốt thời gian này, ông đã thực hiện nhiều đổi mới, đóng góp vào sự tăng trưởng và phát triển bền vững cho HSC. Dưới sự lãnh đạo của ông, HSC đã phát triển lớn mạnh, trở thành một trong những công ty chứng khoán lớn nhất Việt Nam. Trước đó, ông từng là người thành lập và điều hành Bộ phận Dịch vụ Chứng khoán của Ngân hàng HSBC Việt Nam. Ông đã trải qua 9 năm đầu trong sự nghiệp tài chính của mình với các vị trí chuyên viên phân tích và chuyên viên ngân hàng, phụ trách các thị trường Đông Nam Á tại Ngân hàng CoreStates First Union, Mỹ. Từ tháng 12/2020, ông là thành viên HĐQT Công ty DCVFM.

1.3.5 Ông Roberts Nicholas Lloyd — Thành viên độc lập HĐQT

Với hơn 25 năm kinh nghiệm về đầu tư, ông Roberts Nicholas Lloyd được bổ nhiệm làm thành viên HĐQT độc lập của DCVFM từ tháng 4/2025. Bắt đầu sự nghiệp quản lý quỹ tại Vương quốc Anh, ông quản lý danh mục trong nhóm định chế tài chính của Mercury Asset Management (MAM), sau đó trở thành Giám đốc Điều Hành của Merrill Lynch Investment Managers (MLIM) sau khi MAM được mua lại. Năm 2008, ông gia nhập đội ngũ Đầu tư Cổ phiếu chủ đề toàn cầu tại Sarasin & Partners, trở thành đối tác của công ty và đứng đầu mảng kinh doanh tổ chức quốc tế. Hiện tại, tại Troy Asset Management, Roberts Nicholas Lloyd chịu trách nhiệm phát triển mảng kinh doanh tổ chức ở Anh và quốc tế. Ông Roberts Nicholas Lloyd có bằng Cử nhân danh dự từ Đại học Exeter và đã hoàn thành chương trình Thạc sĩ Công nghệ Môi trường tại Imperial College, London. Ông sở hữu chứng chỉ ASIP và là thành viên liên kết của Hiệp hội CFA tại Vương quốc Anh.

1.4 Giới thiệu về cơ cấu Ban điều hành Công ty Quản lý quỹ DCVFM:

Ông Lê Anh Tuấn — Tổng Giám Đốc, người đại diện theo pháp luật

TS. Lê Anh Tuấn hiện là Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM). Ông tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA) hạng xuất sắc tại Đại học Willamette và Tiến sĩ Kinh tế học tại Đại học Bang Pennsylvania (Hoa Kỳ). Kể từ khi gia nhập Dragon Capital vào năm 2008, TS. Tuấn đã đảm nhiệm nhiều vị trí lãnh đạo cấp cao như Kinh tế trưởng, Trưởng phòng Nghiên cứu, Phó Giám đốc Đầu tư và Giám đốc Đầu tư. Ông cũng từng là Đồng Quản lý Danh mục Chào bán lần đầu/Phát hành riêng lẻ và là thành viên các Ủy ban Đầu tư của các quỹ cổ phiếu và trái phiếu. Ông đã dẫn dắt nhiều sáng kiến chiến lược và dự án hỗ trợ kỹ thuật phối hợp với Ngân hàng Nhà nước, Kho bạc Nhà nước và Bộ Tài chính, đóng góp tích cực vào sự phát triển của thị trường tài chính Việt Nam. Tháng 10/2025, ông được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc DCVFM.

1.5 Giới thiệu Ban điều hành Quỹ DCDE:

1.5.1 Bà Lương Thị Mỹ Hạnh — Người điều hành Quỹ

Bà Lương Thị Mỹ Hạnh tốt nghiệp hạng ưu trường Đại học Kinh tế, ngành Quản trị Kinh doanh. Ngoài việc tham gia các chương trình huấn luyện về đầu tư chứng khoán, quản trị ở trong và ngoài nước, bà vinh dự là thành viên của Hiệp hội CFA. Năm 2012, bà Hạnh tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Trường Đại học Gloucestershire (Anh Quốc).

Bà Hạnh có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư tài chính, 3 năm kinh nghiệm về tài chính kiểm toán tại Công Ty TNHH KPMG. Tham gia vào Công ty DCVFM vào những ngày đầu thành lập, bà Hạnh đã đảm nhiệm nhiều vị trí từ Chuyên viên Nghiên cứu, Quản lý Danh mục Đầu tư, đến các vị trí lãnh đạo cấp cao như Giám đốc Đầu tư và Phó Tổng Giám đốc phụ trách phân tích và thực hiện các thương vụ đầu tư thành công cho cho các quỹ mà Công ty DCVFM quản lý. Năm 2005, bà Hạnh được bổ nhiệm làm Trưởng phòng Quản lý danh mục đầu tư, phụ trách quản lý các hoạt động đầu tư của Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam (VF1 - nay là Quỹ DCDS), đưa quỹ đầu tư VF1 thành quỹ trong nước có tốc độ tăng trưởng mạnh nhất năm 2006 theo bảng tổng hợp và đánh giá của tổ chức LCF Rothschild. Bà Hạnh cũng là người khởi xướng và triển khai thành công các sản phẩm đầu tư mới cho thị trường Việt Nam, bao gồm quỹ mở và quỹ ETF nội địa đầu tiên. Kể từ khi ra mắt, các sản phẩm này đã thu hút dòng vốn đáng kể từ nhà đầu tư trong và ngoài nước, với tổng tài sản quản lý hiện đạt 1,5 tỷ USD.

Hiện nay, bà Hạnh đang là Giám đốc quản lý tài sản khối trong nước tại Công ty DCVFM.

1.5.2 Ông Nguyễn Sang Lộc — Người điều hành Quỹ

Ông Nguyễn Sang Lộc tốt nghiệp Cử Nhân Tài Chính tại trường Đại Học Quản Lý Singapore (SMU) và là thành viên hiệp hội CFA, đồng thời ông sở hữu chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ được cấp bởi UBCKNN. Ông có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư tài chính và vốn cổ phần. Ông gia nhập Vietnam Investment Group (VIG) năm 2011 và phụ trách việc tìm kiếm, đánh giá thương vụ đầu tư trong lĩnh vực bán lẻ và ngân hàng. Từ năm 2016, ông làm việc tại Công ty Quản lý quỹ DCVFM ở vị trí Trưởng phòng quản lý danh mục đầu tư.

2. Tình hình hoạt động của Công ty Quản lý quỹ DCVFM

Lưu ý: Các thông tin về hoạt động của Công ty Quản lý quỹ trong quá khứ không hàm ý đảm bảo cho khả năng hoạt động của Công ty Quản lý quỹ trong tương lai.

2.1 Tổng quan tình hình hoạt động của Công ty Quản lý quỹ

Năm	Doanh thu (VND)	Lợi nhuận (VND)
2021	877.751.966.089	250.143.377.193
2022	1.107.834.760.253	441.811.155.950
2023	1.017.167.909.020	293.946.967.460
2024	1.060.814.153.979	235.417.599.586

2025	1.075.083.947.514	116.995.300.837

Nguồn: Báo cáo tài chính DCVFM qua các năm

2.2 Các quỹ do Công ty Quản lý quỹ DCVFM quản lý

Các quỹ do Công ty Quản lý quỹ DCVFM quản lý tại thời điểm hiệu lực của Bản Cáo Bạch này như sau:

STT	Tên quỹ	Loại hình quỹ
1.	Quỹ đầu tư Chứng Khoán Năng Động DC (DCDS)	Quỹ mở
2.	Quỹ đầu tư Cổ phiếu Tập trung Cổ tức DC (DCDE)	Quỹ mở
3.	Quỹ đầu tư Trái phiếu DC (DCBF)	Quỹ mở
4.	Quỹ đầu tư Trái phiếu Gia tăng Thu nhập Cố định DC (DCIP)	Quỹ mở
5.	Quỹ đầu tư Cổ phiếu Việt Nam Chọn Lọc (VFMVSF)	Quỹ mở
6.	Quỹ ETF DCVFMVN30	Quỹ hoán đổi danh mục (quỹ ETF)
7.	Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND	Quỹ hoán đổi danh mục (quỹ ETF)
8.	Quỹ ETF DCVFMVN MIDCAP	Quỹ hoán đổi danh mục (quỹ ETF)
9.	Quỹ Hưu Trí Bổ Sung Tự Nguyện Phúc An	Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện
10.	Quỹ Hưu Trí Bổ Sung Tự Nguyện Thịnh An	Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện
11.	Quỹ Hưu Trí Bổ Sung Tự Nguyện Vĩnh An	Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện
12.	Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Một Kết Nối (DCOA)	Quỹ thành viên

Chi tiết về các quỹ có thể tham khảo tại mục Sản Phẩm tại trang thông tin điện tử www.dragoncapital.com.vn.

V. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Tên ngân hàng: **NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN STANDARD CHARTERED (VIỆT NAM)**

- Giấy phép thành lập và hoạt động: số 56/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 27 tháng 11 năm 2023, được cấp đổi cho Giấy phép số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08 tháng 9 năm 2008 cùng các văn bản chấp thuận có liên quan việc sửa đổi bổ sung Giấy phép (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm)
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký: Số 08/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 07 tháng 5 năm 2015 (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm)
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, Tháp 1 và Tháp 2, Phòng CP1.L01 và Phòng CP2.L01, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (84-24) 3936 8000 Fax: (84-24) 38378356
- Thời hạn hoạt động (nếu có): 99 năm kể từ ngày 08 tháng 9 năm 2008
- Lĩnh vực hoạt động chính: Hoạt động ngân hàng thương mại, trong đó bao gồm huy động vốn, cấp tín dụng, dịch vụ thanh toán, lưu ký chứng khoán và hoạt động ngân hàng giám sát theo pháp luật về chứng khoán
- Ngân hàng Giám sát chịu trách nhiệm trong phạm vi liên quan đến hoạt động của ngân hàng giám sát theo quy định tại Điều lệ Quỹ và Hợp đồng Giám sát.

VI. CÔNG TY KIỂM TOÁN

DCVFM sẽ đề xuất ít nhất hai (02) trong ba (03) công ty kiểm toán để trình Đại hội Nhà đầu tư lựa chọn. Công ty Kiểm toán được lựa chọn sẽ thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ, để đảm bảo tính chính xác các số liệu báo cáo cho Nhà đầu tư. Công ty Kiểm toán dự kiến của Quỹ sẽ là:

- Tên công ty: **Công Ty TNHH PwC (Việt Nam)**
- Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100157406
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 29, Đường Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (+84 28) 3823 0796

hoặc

- Tên công ty: **Công Ty TNHH KPMG**
- Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100112042
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72, Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Yên Hòa, Hà Nội
- Điện thoại: +84 24 3946 1600

hoặc

- Tên công ty: **Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam**
- Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300811802
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 2, Đường Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: 028 3824 5252 Fax: 028 3824 5250

VII. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

Chứng chỉ Quỹ sẽ được phân phối thông qua các Đại lý Phân phối được liệt kê tại Phụ Lục 1 của Bản cáo bạch này và trên trang thông tin điện tử của DCVFM.

VIII. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN

1. Tổ chức cung cấp Dịch vụ Quản trị quỹ

- Tên tổ chức được ủy quyền: **Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)**

  Thông tin của Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) như được nêu tại Chương V của Bản cáo bạch này.

- Tổ chức cung cấp Dịch vụ Quản trị quỹ chịu trách nhiệm trong phạm vi liên quan đến dịch vụ cung cấp theo quy định tại Hợp đồng dịch vụ ký kết giữa Công ty Quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp Dịch vụ Quản trị quỹ.

- Chi phí phải thanh toán và hình thức thanh toán: được quy định tại Điều lệ Quỹ, như được tóm tắt tại Điều 3.1 Chương XI của Bản cáo bạch này.

- Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ chịu trách nhiệm trong phạm vi liên quan đến dịch vụ cung cấp theo quy định tại hợp đồng dịch vụ ký kết giữa Công ty Quản lý quỹ và tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ.

2. Tổ chức cung cấp Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng

- Tên tổ chức được ủy quyền: **Tổng Công Ty Lưu Ký Và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam**
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 112 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội

- Giấy phép thành lập và hoạt động: Quyết Định số 26/2022/QĐ-TTg của Thủ Tướng Chính Phủ ngày 16 tháng 12 năm 2022 về thành lập, tổ chức và hoạt động của Tổng Công Ty Lưu Ký và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam
- Lĩnh vực hoạt động chính: Cung cấp dịch vụ đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán; cung cấp dịch vụ khác quy định tại Điều lệ Tổng Công Ty Lưu Ký Và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam.
- Phạm vi dịch vụ được ủy quyền: Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng, theo Hợp đồng dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng giữa DCVFM và Tổng Công Ty Lưu Ký Và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam
- Chi phí phải thanh toán: được quy định tại Điều lệ Quỹ, như được tóm tắt tại Điều 3.1 Chương XI của Bản cáo bạch này.

IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ

1. Thông tin chung về Quỹ

1.1 Tên và địa chỉ liên hệ của Quỹ

Tên Quỹ	QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU TẬP TRUNG CỔ TỨC DC
Tên tiếng Anh	DC DIVIDEND FOCUS EQUITY FUND
Tên viết tắt	DCDE
Địa chỉ liên hệ	Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam Trụ sở chính: Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Phường Sài Gòn, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam Điện thoại: (84-28) 3825 1488 Fax: (84-28) 3825 1489

1.2 Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ

Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ đại chúng số 06/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 16/12/2013, giấy phép điều chỉnh số 15/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày ngày 24/5/2021, giấy phép điều chỉnh số 364/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày ngày 17/10/2023 (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm).

1.3 Tính chất và thời gian hoạt động của Quỹ

Quỹ DCDE là quỹ đại chúng dạng mở, hoạt động và chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực ngày 01/01/2021, các văn bản pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Quỹ.

Quỹ không giới hạn về thời hạn hoạt động.

2. Tóm tắt Điều lệ Quỹ

Điều lệ Quỹ tóm tắt được đính kèm tại Phụ lục 3 của Bản cáo bạch này.

3. Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ

Việc đầu tư vào một quỹ sẽ không được cam kết bảo lãnh bởi bất kỳ một tổ chức nào về việc quỹ sẽ đạt được những mục tiêu đầu tư đề ra.

Đầu tư vào quỹ đầu tư chứng khoán có nghĩa là nhằm vào mục tiêu tạo ra những khoản thu nhập sau một khoản thời gian dài. Các Nhà đầu tư không nên kỳ vọng thu được các khoản thu nhập trong ngắn hạn từ hoạt động đầu tư này.

Dưới đây là những yếu tố rủi ro chủ yếu mà Nhà đầu tư nên quan tâm khi đầu tư vào Quỹ DCDE và đây không phải là toàn bộ những rủi ro liên quan đến việc đầu tư vào Quỹ.

3.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro này phát sinh khi các thị trường tài sản mà Quỹ đầu tư có sự suy giảm từng phần hay toàn bộ trong một khoảng thời gian. Điều này sẽ tác động đến hiệu quả của các khoản đầu tư của Quỹ DCDE. Rủi ro này thuộc rủi ro mang tính hệ thống nằm ngoài khả năng kiểm soát của Công ty Quản lý quỹ. Tuy nhiên, rủi ro này được giảm thiểu với cơ chế cắt lỗ trước khi thị trường giảm quá sâu.

3.2 Rủi ro về lãi suất

Rủi ro này phát sinh khi lãi suất thị trường tăng thì những khoản đầu tư có thu nhập cố định của Quỹ như: trái phiếu công ty, trái phiếu Chính phủ, cổ phiếu ưu đãi cổ tức... sẽ bị giảm giá trị, đặc biệt là những khoản đầu tư có thời gian đáo hạn dài. Công ty Quản lý quỹ do đó sẽ áp dụng các phương pháp đánh giá điều kiện kinh tế vĩ mô và xu hướng vận động của thị trường trái phiếu trong từng giai đoạn để đưa ra các quyết định phân bổ tài sản phù hợp.

3.3 Rủi ro lạm phát

Các khoản đầu tư của Quỹ có thể suy giảm do lạm phát. Nhìn chung, lạm phát tăng cao sẽ dẫn đến chi phí vay tăng khiến các doanh nghiệp giảm đầu tư từ đó có thể dẫn đến giảm tăng trưởng và giá trị doanh nghiệp. Đối với trái phiếu (là sản phẩm đầu tư có tỷ trọng lớn của Quỹ), lạm phát tăng cao sẽ làm giảm giá trị thực của mệnh giá và lãi trái phiếu. Rủi ro này có thể được giảm thiểu bằng cách rút ngắn kỳ hạn trái phiếu hoặc ưu tiên nắm giữ nhiều hơn những trái phiếu có lãi suất thả nổi khi dự kiến lạm phát tăng cao.

3.4 Rủi ro thanh khoản của thị trường

Một trong những rủi ro của Quỹ DCDE là khả năng khi Quỹ có yêu cầu thanh lý tài sản đầu tư, hiệu quả của việc thanh toán các khoản đầu tư giảm do tính thanh khoản của các tài sản đầu tư thấp, do đó làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động chung của Quỹ. Để hạn chế rủi ro này, Quỹ DCDE tập trung đầu tư vào các cổ phiếu, trái phiếu của các doanh nghiệp có hiệu quả kinh doanh tốt, có quy mô vốn lớn và vừa, có tính thanh khoản thị trường cao.

3.5 Rủi ro pháp lý

Từ khi Việt Nam chính thức phát triển nền kinh tế theo hướng thị trường vào đầu thập niên 90, Chính phủ đã và đang hoàn thiện dần khung pháp lý cho các hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán. Các hoạt động liên quan đến chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán và thị trường chứng khoán được Chính phủ điều chỉnh trong các văn bản pháp lý ban hành vào năm 1998. Năm 2006, trước sự bùng nổ của thị trường chứng khoán và việc gia nhập WTO của Việt Nam, nhiều văn bản pháp lý về thị trường chứng khoán đã được ban hành như Luật chứng khoán, các nghị định hướng dẫn, quy chế hoạt động... Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những rủi ro về pháp lý khi Chính phủ vẫn đang trong quá trình hoàn thiện và điều chỉnh khung pháp lý cho các hoạt động chứng khoán. Những điều chỉnh này có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ DCDE trong tương lai.

3.6 Rủi ro tín nhiệm (Rủi ro mất khả năng thanh toán của đối tác)

(a) Rủi ro này liên quan đến việc tổ chức phát hành hoặc người đảm bảo thanh toán của các loại chứng khoán nợ bị mất khả năng thanh toán tại thời điểm đáo hạn và do vậy không thể thanh toán cho Quỹ các khoản lãi cũng như nợ gốc.

(b) Tại Việt Nam hiện nay việc đánh giá hạn mức tín nhiệm của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế vẫn còn hạn chế và mới chỉ thực hiện ở các tổ chức lớn, do các tổ chức trung gian của nước ngoài thực hiện. Do vậy, để hạn chế rủi ro này, ngoài việc áp dụng danh mục đầu tư đa dạng hóa, danh mục chứng khoán nợ của Quỹ DCDE sẽ chủ yếu tập trung đầu tư vào trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, giao dịch mua bán lại (repo) trái phiếu Chính phủ, hoặc trái phiếu của doanh nghiệp niêm yết. Đối với các khoản tiền gửi ngắn hạn hưởng lãi suất hoặc các giao dịch mua bán lại (repo), Quỹ DCDE có những cơ chế chọn lọc đối tác có tiềm lực tài chính vững mạnh và có uy tín lớn để thực hiện giao dịch mua bán lại nhằm hạn chế tối đa rủi ro mất khả năng thanh toán của đối tác.

3.7 Rủi ro xung đột lợi ích

Công ty Quản lý quỹ cũng sẽ gặp phải những xung đột nhất định về lợi ích giữa các quỹ đầu tư và các sản phẩm tài chính khác do Công ty Quản lý quỹ điều hành. Rủi ro này thuộc dạng rủi ro không hệ thống, có thể kiểm soát được bằng cách thiết lập "tường lửa thông tin" nội bộ (Chinese Wall) nhằm hạn chế đến mức thấp nhất xung đột lợi ích giữa các quỹ đầu tư và sản phẩm tài chính đang được quản lý bởi Công ty Quản lý quỹ.

3.8 Rủi ro đối với sản phẩm đầu tư cụ thể (tùy theo loại tài sản mà Quỹ dự kiến đầu tư)

Tài sản Quỹ DCDE đầu tư hướng đến phân bổ 100% vào cổ phiếu tạo ra thu nhập đều đặn, do đó nguồn thu từ cổ tức có thể bị gián đoạn nếu các công ty trong danh mục có lợi nhuận không đạt kế hoạch hằng năm. Công ty Quản lý quỹ do đó sẽ áp dụng các phương pháp đánh giá điều kiện kinh tế vĩ mô và xu hướng vận động của thị trường trong từng giai đoạn để đưa ra các quyết định phân bổ tài sản phù hợp.

3.9 Rủi ro thiếu các công cụ phòng ngừa rủi ro

Theo quy định của pháp luật Việt Nam, Quỹ DCDE được sử dụng các chứng khoán phái sinh niêm yết cho mục đích phòng ngừa rủi ro. Tuy nhiên, các công cụ phái sinh hiện tại chưa được phổ biến và vẫn ở giai đoạn sơ khai nên khả năng sẽ không có sẵn các công cụ cần thiết để sử dụng.

3.10 Rủi ro định giá

Là rủi ro khi lãi suất định giá khác với lãi suất thực tế khiến cho giá trị của tài sản được mua/bán khác với giá trị sổ sách. Lãi suất chiết khấu được dùng để định giá căn cứ trên lãi suất niêm yết trên HNX/ VBMA/ Bloomberg/ Reuters. Đây là lãi suất tham khảo, tuỳ từng thời điểm và chất lượng của thông tin đầu vào, lãi suất này có thể không sát với lãi suất thực tế giao dịch.

3.11 Rủi ro rút vốn

(a) Hoạt động theo quy chế quỹ mở, Nhà đầu tư có thể rút vốn theo nhu cầu thông qua lệnh bán Chứng chỉ Quỹ DCDE. Tuy nhiên, khi tất cả các Nhà đầu tư muốn rút một lượng tiền lớn so với quy định pháp luật về tỷ lệ rút vốn tối đa và so với quy mô thanh khoản của thị trường, việc chuyển đổi tỷ lệ lớn giá trị của Quỹ thành tiền mặt trong thời gian ngắn có thể dẫn đến giá trị tài sản đầu tư của Quỹ giảm mạnh và ảnh hưởng đến giá trị thực tế Nhà đầu tư được nhận. Do đó, nhu cầu rút vốn của Nhà đầu tư có thể sẽ chỉ được đáp ứng một phần hoặc trong thời gian chậm hơn theo quy định.

(b) Trong một số trường hợp, Nhà đầu tư có thể không được thực hiện lệnh bán Chứng chỉ Quỹ DCDE trong thời gian Chứng chỉ Quỹ bị tạm dừng giao dịch. Vui lòng xem thêm Điều 3.13.7 Chương X của Bản cáo bạch này.

(c) Trong một số trường hợp, Công ty Quản lý quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán hoặc kéo dài thời hạn thanh toán. Vui lòng xem thêm Điều 3.13.6 Chương X của Bản cáo bạch này.

(d) Khi việc thực hiện giao dịch bán Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư bị kéo dài hơn so với quy định do các lý do trên, Công ty Quản lý quỹ sẽ công bố thông tin về lý do và thời gian dự kiến để thực hiện lệnh bán cho Nhà đầu tư.

3.12 Thuế

Nhà đầu tư trong quá trình mua/bán/ Chứng chỉ Quỹ và nhận phần phân phối lợi nhuận của Quỹ (nếu có) có thể phát sinh các nghĩa vụ thuế phải trả theo quy định của pháp luật. Các nghĩa vụ thuế liên quan trực tiếp đến Nhà đầu tư không được phản ánh trong kết quả hoạt động chung của Quỹ DCDE.

X. PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ CÁC LẦN TIẾP THEO

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2022;
- Luật số 76/2025/QH15 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2025;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Luật số 56/2024/QH15 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ Quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 11 tháng 09 năm 2025;
- Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Nghị định số 306/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo nghị định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ) và nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh, có hiệu lực từ ngày 09 tháng 01 năm 2026;
- Thông tư số 83/2024/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Bộ Tài Chính hướng dẫn cơ chế, chính sách về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán do Nhà nước định giá áp dụng tại Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2025;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 02 tháng 11 năm 2024;
- Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 12 tháng 02 năm 2026;

- Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 02 năm 2021;
- Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính, có hiệu lực từ ngày 05 tháng 05 năm 2025;
- Thông tư số 120/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 02 năm 2021;
- Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2013; và
- Các văn bản pháp lý có liên quan khác.

2. Phương án phát hành lần đầu

Quỹ được chuyển đổi từ quỹ đóng sang quỹ mở theo Giấy Chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 06/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 16/12/2013. Vốn điều lệ tại thời điểm chuyển đổi của Quỹ là 806.460.000.000 đồng. Số vốn này được chia thành 80.646.000 Chứng chỉ Quỹ. Mệnh giá của mỗi Đơn vị Quỹ là 10.000 đồng.

3. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ các lần tiếp theo

3.1 Thời gian giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau chuyển đổi

Nhà đầu tư có thể giao dịch Chứng chỉ Quỹ vào các Ngày Giao dịch.

3.2 Ngày Giao dịch

Ngày Giao dịch là hàng ngày vào các Ngày làm việc trong tuần. Trường hợp ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ, ngày nghỉ lễ, tết, các ngày làm việc bù vào ngày thứ bảy và/hoặc chủ nhật, ngày nghỉ bù theo quy định pháp luật thì việc giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày giao dịch kế tiếp của Quỹ. Công ty Quản lý quỹ sẽ thông báo đến Nhà đầu tư, Đại lý phân phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch và thời điểm đóng sổ lệnh một cách cụ thể khi có các ngày nêu trên xảy ra trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ hoặc bằng thư điện tử.

3.3 Giá bán

Giá bán được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ tính tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ cộng thêm Giá dịch vụ phát hành tại Ngày Giao dịch.

3.4 Giá mua lại

Giá mua lại là mức giá mà Công ty Quản lý quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà đầu tư một Đơn vị Quỹ, được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ trừ đi Giá dịch vụ mua lại và mức phòng vệ thanh khoản (nếu có).

3.5 Giá dịch vụ mua lại

(a) Giá dịch vụ mua lại là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả cho Công ty Quản lý quỹ khi bán một Đơn vị Quỹ, được khấu trừ từ giá trị giao dịch Chứng chỉ Quỹ ngay khi Quỹ thanh toán cho Nhà đầu tư.

(b) Giá dịch vụ mua lại được tính dựa trên thời gian nắm giữ Chứng chỉ Quỹ và theo nguyên tắc "mua trước bán trước" (FIFO), được thể hiện dưới dạng tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch và không vượt quá hai phần trăm (2%) giá trị giao dịch. Mức giá dịch vụ mua lại cụ thể/thay đổi được quy định trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ và Đại lý Phân phối.

(c) Mức giá dịch vụ mua lại tại thời điểm hiệu lực của Bản Cáo Bạch này:

- Thời gian nắm giữ **dưới 365 ngày**: **1,5% giá trị giao dịch**;
- Thời gian nắm giữ **từ 365 ngày đến dưới 730 ngày**: **0,5% giá trị giao dịch**;
- Thời gian nắm giữ **từ 730 ngày trở lên**: **miễn phí (0%)**.

3.6 Giá dịch vụ phát hành

(a) Giá dịch vụ phát hành là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả cho Công ty Quản lý quỹ khi mua một Đơn vị Quỹ, được thu khi phát hành và không vượt quá hai phần trăm (2%) giá trị giao dịch.

(b) Giá dịch vụ phát hành tại thời điểm hiệu lực của bản cáo bạch này: **miễn phí (0%)**.

3.7 Giá dịch vụ chuyển đổi

(a) Giá dịch vụ chuyển đổi giữa các chứng chỉ quỹ mở do Công ty Quản lý quỹ quản lý được thu khi Nhà đầu tư đăng ký giao dịch chuyển đổi chứng chỉ quỹ giữa các chứng chỉ quỹ mở do Công ty Quản lý quỹ quản lý tại mỗi kỳ giao dịch sau khi Quỹ DCDE được thành lập và không vượt quá hai phần trăm (2%) giá trị giao dịch. Nhà đầu tư không phải trả Giá dịch vụ phát hành và Giá dịch vụ mua lại khi thực hiện chuyển đổi. Mức giá dịch vụ chuyển đổi cụ thể/thay đổi được quy định trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ và Đại lý Phân phối.

(b) Mức giá dịch vụ chuyển đổi tại thời điểm hiệu lực của Bản Cáo Bạch này:

- Thời gian nắm giữ **dưới 365 ngày**: **1,5% giá trị giao dịch**;
- Thời gian nắm giữ **từ 365 ngày đến dưới 730 ngày**: **0,5% giá trị giao dịch**;
- Thời gian nắm giữ **từ 730 ngày trở lên**: **miễn phí (0%)**.

3.8 Số lượng đăng ký giao dịch mua/bán/chuyển đổi tối thiểu và điều kiện duy trì tài khoản sau khi đăng ký giao dịch bán/ bán chuyển đổi

(a) Giá trị đăng ký giao dịch mua tối thiểu (lệnh mua tối thiểu): 100.000 (một trăm nghìn) đồng.

(b) Số lượng Chứng chỉ Quỹ đăng ký giao dịch bán tối thiểu (lệnh bán tối thiểu): 10 (mười) Đơn vị Quỹ.

(c) Số lượng Chứng chỉ Quỹ đăng ký giao dịch bán chuyển đổi tối thiểu (lệnh bán chuyển đổi tối thiểu): 10 (mười) Đơn vị Quỹ.

(d) Giá trị đăng ký giao dịch mua chuyển đổi tối thiểu (lệnh mua chuyển đổi tối thiểu): 100.000 (một trăm nghìn) đồng.

(e) Số lượng Đơn vị Quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau khi Nhà đầu tư đăng ký giao dịch bán/bán chuyển đổi: 10 (mười) Đơn vị Quỹ.

(i) Trường hợp Nhà đầu tư đăng ký giao dịch bán/bán chuyển đổi dẫn đến số Đơn vị Quỹ còn lại trong tài khoản thấp hơn 10 (mười) Đơn vị Quỹ thì Nhà đầu tư phải đăng ký giao dịch bán/bán chuyển đổi hết toàn bộ số Đơn vị Quỹ còn lại trong tài khoản nhằm đưa số Đơn vị Quỹ trong tài khoản về bằng 0 (không).

(ii) Trường hợp Nhà đầu tư sở hữu Đơn vị Quỹ trong tài khoản thấp hơn 10 (mười) Đơn vị Quỹ, khi đăng ký giao dịch bán thì Nhà đầu tư phải đăng ký giao dịch bán hết toàn bộ số Đơn vị Quỹ còn lại trong tài khoản nhằm đưa số Đơn vị Quỹ trong tài khoản về bằng 0 (không).

3.9 Thời điểm đóng sổ lệnh

(a) Thời điểm đóng sổ lệnh là **14 giờ 30 phút ngày T-1** (trong đó ngày T là Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ), là thời điểm cuối cùng mà Đại lý Phân phối nhận Phiếu lệnh giao dịch từ Nhà đầu tư hoặc người được Nhà đầu tư ủy quyền để thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ trong Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

(b) Lệnh giao dịch nhận sau Thời điểm đóng sổ lệnh là lệnh không hợp lệ. Lệnh giao dịch này sẽ bị huỷ vào Ngày Giao dịch đã đăng ký và được tự động chuyển sang thực hiện vào Ngày Giao dịch kế tiếp gần nhất.

(c) Trong trường hợp Thời điểm đóng sổ lệnh không rơi vào Ngày làm việc thì Thời điểm đóng sổ lệnh sẽ là Ngày làm việc liền trước đó. Thông tin chi tiết về lịch giao dịch và Thời điểm đóng sổ lệnh sẽ được Công ty Quản lý quỹ thông báo cụ thể đến Nhà đầu tư, Đại lý Phân phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan trước thời điểm các ngày nghỉ, ngày lễ, ngày nghỉ bù dự kiến diễn ra trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ hoặc bằng thư điện tử.

3.10 Thời hạn xác nhận giao dịch

Ngày cùng Ngày giao dịch (ngày T) hoặc chậm nhất là 01 (một) ngày làm việc sau ngày giao dịch (ngày T+1), Tổ chức cung cấp Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng sẽ cập nhật đầy đủ thông tin về sở hữu sau giao dịch của Nhà đầu tư tại Sổ chính và cung cấp thông tin cho Đại lý Phân phối để gửi Nhà đầu tư bản xác nhận giao dịch.

3.11 Thời hạn thanh toán tiền bán Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư

Trong vòng 02 (hai) Ngày làm việc (ngày T+2) kể từ Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Quỹ sẽ thực hiện chuyển tiền mua lại Chứng chỉ Quỹ bằng tiền Việt Nam Đồng cho Nhà đầu tư trực tiếp từ tài khoản Quỹ đến một trong các tài khoản sau:

(a) tài khoản ngân hàng của Nhà đầu tư đã được đăng ký gắn liền với tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư; hoặc

(b) tài khoản ngân hàng của Đại lý Ký danh; hoặc

(c) tài khoản ngân hàng do Nhà đầu tư chỉ định; hoặc tài khoản ngân hàng do Nhà đầu tư chỉ định liên kết với ví điện tử của Nhà đầu tư (chỉ được áp dụng nếu Nhà đầu tư có tài khoản ngân hàng liên kết với ví điện tử tại một tổ chức cung ứng dịch vụ đã được DCVFM chấp thuận và đã được tổ chức cung ứng dịch vụ này xác thực thông tin chủ ví điện tử liên kết với tài khoản ngân hàng là Nhà đầu tư) hoặc tài khoản giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư do Nhà đầu tư chỉ định.

Trường hợp Quỹ chuyển tiền mua lại Chứng chỉ Quỹ cho Đại lý Ký danh như tại điểm (b) nêu trên, Đại lý Ký danh có trách nhiệm thanh toán chi tiết đến từng Nhà đầu tư thực hiện bán Chứng chỉ Quỹ tại chính Đại lý Ký danh đó theo thỏa thuận giữa Nhà đầu tư và Đại lý Ký danh trong vòng 03 (ba) Ngày làm việc kể từ ngày Đại lý Ký danh nhận được thanh toán.

Trường hợp Quỹ chuyển tiền mua lại Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản ngân hàng do Nhà đầu tư chỉ định như tại điểm (c) nêu trên, Nhà đầu tư cần thực hiện đăng ký thông tin tài khoản ngân hàng chỉ định với Đại lý Phân phối nơi Nhà đầu tư đăng ký giao dịch trước Thời điểm chốt sổ lệnh tối thiểu 04 (bốn) Ngày làm việc.

Thời gian hoàn tất việc thanh toán có thể bị kéo dài do phát sinh lỗi hệ thống ngân hàng hoặc sự cố khác trong quá trình thực hiện giao dịch thanh toán. Trong trường hợp này, Đại lý Phân phối sẽ thông báo về việc kéo dài thanh toán đến Nhà đầu tư, Đại lý Ký danh sớm nhất có thể, nhưng trong mọi trường hợp việc kéo dài này không vượt quá 03 (ba) Ngày làm việc kể từ Ngày Giao dịch (ngày T+3).

Phí ngân hàng phát sinh (nếu có) từ việc chuyển tiền mua lại sẽ do Nhà đầu tư chịu.

3.12 Tần suất giao dịch của Quỹ

(a) Tần suất giao dịch của Quỹ là hàng ngày vào các Ngày làm việc trong tuần (Ngày Giao dịch). Trường hợp ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ, ngày nghỉ lễ, tết, các ngày làm việc bù vào ngày

thứ 7 và/hoặc chủ nhật, ngày nghỉ bù theo quy định pháp luật thì việc giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày giao dịch kế tiếp của Quỹ. Công ty Quản lý quỹ sẽ thông báo đến Nhà đầu tư, Đại lý phân phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch và thời điểm đóng sổ lệnh một cách cụ thể khi có các ngày nêu trên xảy ra trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ hoặc bằng thư điện tử.

(b) Việc giảm tần suất giao dịch sẽ do Đại hội Nhà đầu tư thông qua. Tần suất giao dịch tối thiểu 02 (hai) lần trong 01 (một) tháng

3.13 Phương thức giao dịch

Nhà đầu tư có thể thực hiện đặt lệnh trực tiếp tại Đại lý Phân phối, hoặc qua điện thoại, fax, theo hình thức trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác tùy theo khả năng đáp ứng của Đại lý Phân phối. Trường hợp lệnh nhận qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác phải tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử.

Danh sách Đại lý phân phối và điểm nhận lệnh tại Phụ Lục 1 của Bản cáo bạch này.

3.13.1 Quy định chung về tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ và lệnh giao dịch Chứng chỉ Quỹ

(a) Trước khi giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Nhà đầu tư cần hoàn tất thủ tục mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ tại các Đại lý Phân phối chỉ định của Quỹ (được quy định tại Phụ Lục 2 của Bản cáo bạch).

(b) Để giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Nhà đầu tư phải hoàn tất và gửi phiếu lệnh (mua, bán, chuyển đổi) hợp lệ đến Đại lý Phân phối không muộn hơn Thời điểm đóng sổ lệnh.

(c) Nhà đầu tư có nghĩa vụ đảm bảo tiền đầu tư phải từ nguồn hợp pháp, không có nguồn gốc từ bất kỳ hành vi vi phạm pháp luật nào và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin nguồn tiền đầu tư mà Nhà đầu tư cung cấp cho Đại lý Phân phối.

(d) Lệnh giao dịch có thể bị trì hoãn hoặc bị từ chối thực hiện để bảo đảm tuân thủ pháp luật và quy định nội bộ về PCRT theo quy định dưới đây, không được thực hiện, hoặc chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Điều 3.13.6 Chương X của Bản cáo bạch.

(e) Nhằm đảm bảo việc tuân thủ pháp luật và quy định nội bộ về PCRT và theo yêu cầu của ngân hàng thanh toán (nếu có), Công ty Quản lý quỹ có thể yêu cầu Nhà đầu tư cung cấp bổ sung thông tin và/hoặc thực hiện các thủ tục cần thiết khác trước khi thực hiện các lệnh giao dịch Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư, thanh toán cho Nhà đầu tư, hoặc nhận thanh toán tiền từ Nhà đầu tư.

(f) Nhà đầu tư có nghĩa vụ cung cấp kịp thời đầy đủ thông tin theo yêu cầu của Công ty Quản lý quỹ. Nếu Nhà đầu tư từ chối cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không chính xác, đầy đủ, kịp thời hoặc giao dịch của Nhà đầu tư có yếu tố đáng ngờ theo quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty Quản lý quỹ về PCRT, lệnh giao dịch của Nhà đầu tư hoặc việc thanh toán cho giao dịch có thể bị trì hoãn hoặc bị từ chối thực hiện. Trong trường hợp pháp luật cho phép, Công ty Quản lý quỹ sẽ thông báo cho Nhà đầu tư và Nhà đầu tư cần thực hiện các thủ tục có liên quan theo yêu cầu và hướng dẫn của Công ty Quản lý quỹ và/hoặc ngân hàng thanh toán (nếu có).

(g) Công ty Quản lý quỹ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến lệnh giao dịch hoặc việc thanh toán cho giao dịch bị trì hoãn hoặc bị từ chối thực hiện nhằm đảm bảo tuân thủ quy định về PCRT hoặc theo hướng dẫn/yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

(h) Hướng dẫn cụ thể về điều kiện và quy trình mở tài khoản và thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ được quy định tại Phụ Lục 2 của Bản cáo bạch.

3.13.2 Thực hiện giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ

(a) Lệnh giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ phải tuân thủ giá trị đăng ký giao dịch mua tối thiểu theo quy định tại Điều 3.8 Chương X của Bản cáo bạch và phải gửi kèm xác nhận việc Nhà đầu tư

đã hoàn tất việc thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quỹ đăng ký vào tài khoản của Quỹ DCDE đến Đại lý phân phối trước thời điểm đóng sổ lệnh hoặc Ngân hàng Giám sát xác nhận với Công ty Quản lý quỹ, đại lý phân phối hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan đã nhận tiền mua Chứng chỉ Quỹ của nhà đầu tư, đại lý ký danh vào Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ theo như thoả thuận giữa Ngân hàng Giám sát và với Công ty Quản lý quỹ.

(b) Trừ khi pháp luật hoặc cơ quan nhà nước yêu cầu Nhà đầu tư và/hoặc Công ty Quản lý quỹ thực hiện khác đi, lệnh mua bị trì hoãn hoặc bị từ chối thực hiện để đảm bảo tuân thủ các quy định PCRT nêu trên sẽ được xử lý như sau:

(i) Nếu lệnh mua bị trì hoãn không được thực hiện vào Ngày Giao dịch đã đăng ký, Nhà đầu tư không cần đặt lệnh giao dịch mới và lệnh đã đặt sẽ có giá trị thực hiện cho Ngày Giao dịch liền sau ngày lý do trì hoãn đã được xử lý hoặc chấm dứt.

(ii) Nếu lệnh mua bị từ chối thực hiện, Công ty Quản lý quỹ sẽ thực hiện các thủ tục cần thiết (bao gồm yêu cầu và phối hợp với Ngân hàng Giám sát) để chuyển trả lại tiền mua Chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư theo quy định tại Điều 3.13.12 Chương X của Bản cáo bạch.

(c) Việc thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quỹ được thực hiện theo quy định tại Điều 3.13.11 Chương X của Bản cáo bạch.

(d) Tiền thanh toán của lệnh mua phải bằng đúng giá trị của lệnh đã đăng ký mua.

(e) Số lượng Chứng chỉ Quỹ được phân phối sau khi đăng ký được tính theo công thức sau:

$$\textbf{Số lượng Chứng chỉ Quỹ được phân phối} = \frac{\textbf{Số tiền đăng ký mua} \times (1 - \textbf{Giá dịch vụ phát hành(\%)})}{\textbf{NAV trên Đơn vị Quỹ tại Ngày Giao dịch}}$$

(f) Trong trường hợp tổng số tiền đăng ký mua của Nhà đầu tư dẫn tới số lượng Chứng chỉ Quỹ được phân phối ít hơn 01 (một) và có phần số lẻ thập phân sau dấu phẩy lấy được đến 02 (hai) số thập phân, thì Nhà đầu tư được nắm giữ Chứng chỉ Quỹ này và được xem là nắm giữ Chứng chỉ Quỹ lẻ.

3.13.3 **Thực hiện giao dịch bán Chứng chỉ Quỹ**

(a) Lệnh giao dịch bán Chứng chỉ Quỹ phải tuân thủ số lượng đăng ký giao dịch bán tối thiểu và số lượng Đơn vị Quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau khi Nhà đầu tư đăng ký giao dịch bán theo quy định tại Điều 3.8 Chương X của Bản cáo bạch, và chỉ được thực hiện khi Nhà đầu tư, Đại lý Ký danh có đủ số lượng Đơn vị Quỹ để bán theo yêu cầu.

(b) Lệnh bán có thể không được thực hiện, hoặc chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Điều 3.13.6 Chương X của Bản cáo bạch, hoặc theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty Quản lý quỹ về PCRT.

(c) Số tiền bán Chứng chỉ Quỹ được tính theo công thức sau:

$$\textbf{Giá trị bán được nhận} = \textbf{Số lượng Chứng chỉ Quỹ được mua lại} \times \textbf{NAV trên Đơn vị Quỹ tại Ngày Giao dịch} \times (1 - \textbf{Giá dịch vụ mua lại (\%)})$$

(d) Việc thanh toán tiền mua lại Chứng chỉ Quỹ được thực hiện theo quy định Điều 3.11 Chương X của Bản cáo bạch.

(e) Đối với các khoản thanh toán bị trả về từ ngân hàng thụ hưởng, Nhà đầu tư sẽ chịu các khoản chi phí phát sinh liên quan việc sửa lệnh (nếu có) nếu do lỗi của Nhà đầu tư. Việc thanh toán tiền cho Nhà đầu tư trong trường hợp này sẽ phụ thuộc vào thời điểm mà Nhà đầu tư cập nhật thông tin cho Đại lý Phân phối. Công ty Quản lý quỹ sẽ thanh toán cho Nhà đầu tư trong thời gian sớm nhất có thể kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu của Nhà đầu tư hoặc Đại lý Phân phối nơi Nhà đầu tư đăng ký thực hiện giao dịch. Lưu ý rằng Quỹ chỉ thanh toán bằng hình thức chuyển khoản, vì vậy Nhà đầu tư có trách nhiệm đảm bảo các thông tin đã cung cấp cho Đại lý Phân phối là chính xác.

(f) Nhà đầu tư tuân thủ thực hiện các nghĩa vụ thuế (nếu có) cho các giao dịch bán áp dụng theo quy định của pháp luật.

3.13.4 **Thực hiện giao dịch chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ**

(a) Lệnh chuyển đổi được thực hiện theo nguyên tắc sau: Lệnh bán đối với Chứng chỉ Quỹ bị bán được thực hiện trước (sau đây gọi là lệnh bán chuyển đổi), sau đó mới thực hiện lệnh mua chứng chỉ của quỹ mục tiêu (sau đây gọi là lệnh mua chuyển đổi).

(b) Lệnh chuyển đổi phải tuân thủ số lượng đăng ký giao dịch bán chuyển đổi tối thiểu và số lượng Đơn vị Quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau khi Nhà đầu tư đăng ký giao dịch bán chuyển đổi theo quy định tại Điều 3.8 Chương X của Bản cáo bạch, và tuân thủ giá trị đăng ký mua chuyển đổi tối thiểu của quỹ mục tiêu.

(c) Ngày thanh toán tiền bán chuyển đổi của Quỹ sẽ là ngày thực hiện thanh toán tiền mua chuyển đổi cho phiên giao dịch gần nhất của quỹ mục tiêu.

(d) Nhà đầu tư có thể thực hiện việc chuyển đổi chứng chỉ quỹ mở giữa các quỹ mở do DCVFM quản lý và có cùng Tổ chức cung cấp Dịch vụ đại lý chuyển nhượng, ngoại trừ chuyển đổi qua Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Việt Nam Chọn Lọc (VFMVSF) và các quỹ hoán đổi danh mục.

(e) Giá dịch vụ chuyển đổi sẽ được áp dụng cho lệnh bán chuyển đổi đã thực hiện theo quy định tại Điều 3.7 Chương X của Bản cáo bạch.

(f) Trong trường hợp tổng số tiền thanh toán của lệnh bán chuyển đổi ít hơn tiền mua tối thiểu của quỹ mục tiêu, thì:

(i) Lệnh mua chuyển đổi được xem là không hợp lệ và chỉ được thực hiện lệnh bán chuyển đổi.

(ii) Công ty Quản lý quỹ sẽ thanh toán tiền mua lại cho Nhà đầu tư theo quy định tại Điều 3.11 Chương X của Bản cáo bạch. Phí ngân hàng phát sinh (nếu có) từ việc thanh toán này sẽ do Nhà đầu tư chịu.

(iii) Số tiền bán chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá trị bán được nhận} = \text{Số lượng Chứng chỉ Quỹ được mua lại} \times \text{NAV trên Đơn vị Quỹ sử dụng tại Ngày Giao dịch} \times (1 - \text{Giá dịch vụ chuyển đổi (\%)})$$

(g) Nhà đầu tư tuân thủ thực hiện các nghĩa vụ thuế (nếu có) cho các giao dịch bán chuyển đổi áp dụng theo quy định của pháp luật.

(h) Công ty Quản lý quỹ sẽ tiến hành cập nhật đầy đủ các quy định liên quan đến giao dịch chuyển đổi và thông tin cụ thể đến Nhà đầu tư thông qua trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ và hệ thống Đại lý Phân phối.

3.13.5 **Thực hiện giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (cho, biếu, tặng, thừa kế,...)**

(a) Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (như cho, biếu, tặng, thừa kế...) Chứng chỉ Quỹ cho một cá nhân/ tổ chức khác được thực hiện tại Đại lý Phân phối nơi Nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch.

(b) Nhà đầu tư/ người nhận chuyển nhượng điền đầy đủ các thông tin vào Phiếu đăng ký và cung cấp đầy đủ các văn bản, hồ sơ cần thiết để hoàn tất thủ tục giao dịch chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật cho Đại lý Phân phối.

(c) Nhà đầu tư/ người nhận chuyển nhượng không phải thanh toán giá dịch vụ chuyển nhượng phi thương mại cho Công ty Quản lý quỹ.

(d) Nhà đầu tư/ người nhận chuyển nhượng có trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí phát sinh và thực hiện các nghĩa vụ về thuế liên quan đến việc chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật.

3.13.6 **Thực hiện một phần lệnh giao dịch**

Công ty Quản lý quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi của Nhà đầu tư trong các trường hợp sau:

(a) Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ lớn hơn hoặc bằng năm phần trăm (5%) Giá trị tài sản ròng của Quỹ;

(b) Việc thực hiện toàn bộ lệnh của Nhà đầu tư dẫn tới:

(i) Giá trị tài sản ròng của Quỹ thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng; hoặc

(ii) Giá trị phần Đơn vị Quỹ hoặc số Đơn vị Quỹ còn lại trên tài khoản của Nhà đầu tư thấp hơn giá trị tối thiểu hoặc số lượng đơn vị quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản của Nhà đầu tư theo quy định tại Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch (nếu có); hoặc

(iii) Giá trị tài sản ròng của Quỹ còn lại hoặc số Đơn vị Quỹ còn lại của Quỹ thấp hơn Giá trị tài sản ròng của Quỹ tối thiểu hoặc số Đơn vị Quỹ lưu hành tối thiểu đã được quy định tại Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch (nếu có); hoặc

(iv) Số lượng Đơn vị Quỹ lưu hành vượt quá khối lượng tối đa (nếu có) quy định tại Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch;

(c) Việc bán chứng khoán lấy tiền mặt để đáp ứng toàn bộ lệnh của Nhà đầu tư không thể thực hiện được do:

(i) Tính thanh khoản của thị trường thấp do nguyên nhân khách quan và mang tính hệ thống; hoặc

(ii) Một (hoặc nhiều) chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ DCDE bị đình chỉ giao dịch do Quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán.

- Đối với trường hợp quy định tại điểm (a) nêu trên, Công ty Quản lý quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán tối đa 30 ngày sau khi được Ban đại diện Quỹ chấp thuận, kể từ Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
- Đối với trường hợp thực hiện một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi theo quy định tại Điều này, Công ty Quản lý quỹ áp dụng nguyên tắc phân phối theo cùng tỷ lệ, cụ thể như sau:

  Phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các Nhà đầu tư đăng ký giao dịch tại một Ngày Giao dịch, theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch, sao cho tổng giá trị các lệnh bán, tổng giá trị các lệnh mua và tổng giá trị các lệnh chuyển đổi tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ không vi phạm các điều kiện đáp ứng một phần lệnh của Nhà đầu tư theo quy định tại mục này. Số lượng Chứng chỉ Quỹ được thực hiện cho Nhà đầu tư theo từng loại lệnh (bán/mua/chuyển đổi) trong trường hợp này được tính theo công thức sau:

$$X_i = SLDK_i \times \frac{SLTT}{\sum SLDK}$$

  Trong đó:

  Xi: số lượng Chứng chỉ Quỹ thực tế của Nhà đầu tư i được thực hiện (hay số lượng Chứng chỉ Quỹ khớp lệnh bán/mua/chuyển đổi). Kết quả được được lấy đến 2 chữ số thập phân;

  SLDKi: số lượng Chứng chỉ Quỹ mà Nhà đầu tư đăng ký giao dịch (bán/mua/chuyển đổi);

  SLTT: tổng số lượng Chứng chỉ Quỹ mà Công ty Quản lý quỹ có thể đáp ứng cho từng loại lệnh tương ứng (bán/mua/chuyển đổi);

  ∑SLDK: tổng số lượng Chứng chỉ Quỹ giao dịch cho từng loại lệnh tương ứng (bán/mua/chuyển đổi).

- Nếu Nhà đầu tư muốn thực hiện tiếp các lệnh bán của mình thì Nhà đầu tư tiến hành đăng ký giao dịch tại Ngày Giao dịch kế tiếp.

- Các thông báo về phần lệnh được thực hiện hoặc khớp một phần hoặc bị hủy sẽ được cung cấp chi tiết trong báo cáo giao dịch và gửi đến Nhà đầu tư.

3.13.7 Tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ

Công ty Quản lý quỹ DCVFM có thể tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

(a) Công ty Quản lý quỹ không thể thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;

(b) Công ty Quản lý quỹ không thể xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ vào Ngày Định giá mua lại Chứng chỉ Quỹ do chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ bị đình chỉ giao dịch theo quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán;

(c) Công ty Quản lý quỹ có thể tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ để thực hiện sao lưu cơ sở dữ liệu giao dịch Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư khi chuyển đổi hệ thống, chương trình vận hành trong trường hợp thay đổi Tổ chức cung cấp Dịch vụ quản trị Quỹ, Tổ chức cung cấp Dịch vụ Đại lý chuyển nhượng. Trong trường hợp này, thời gian tạm dừng không vượt quá 03 (ba) Ngày làm việc và Công ty Quản lý quỹ sẽ công bố thông tin về việc tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ mười (10) ngày trước thời điểm dự kiến tạm dừng trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ;

(d) Các sự kiện khác mà UBCKNN xét thấy cần thiết.

Trừ trường hợp quy định tại điểm (c) nêu trên, thời gian tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ không được kéo dài quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày bắt đầu tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

Trừ trường hợp quy định tại điểm (d) nêu trên, trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện dẫn đến việc tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Công ty Quản lý quỹ phải báo cáo Ban đại diện Quỹ, UBCKNN và phải tiếp tục thực hiện mua lại Chứng chỉ Quỹ ngay sau khi thời gian tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ chấm dứt.

Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc thời gian tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Công ty Quản lý quỹ phải triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư nhằm lấy ý kiến về việc giải thể hoặc tách Quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời gian tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Tuy nhiên, nếu sự kiện dẫn đến việc tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ chấm dứt, Công ty Quản lý quỹ được quyền xem xét hủy bỏ việc triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư.

3.13.8 Mức phòng vệ thanh khoản

Mức phòng vệ thanh khoản là mức áp dụng đối với Nhà đầu tư khi thực hiện bán Chứng chỉ Quỹ trong điều kiện tính thanh khoản của Quỹ sụt giảm do nguyên nhân bất khả kháng. Mức phòng vệ thanh khoản sẽ được áp dụng sau khi chính sách về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản được Đại hội Nhà đầu tư phê duyệt và cập nhật tại Bản cáo bạch.

3.13.9 Hủy lệnh giao dịch

(a) Lệnh giao dịch có thể được hủy trước Thời điểm đóng sổ lệnh.

(b) Lệnh giao dịch được hủy sau Thời điểm đóng sổ lệnh được xem là hủy không hợp lệ.

(c) Lệnh giao dịch không được huỷ một phần.

(d) Việc hủy lệnh phải được thực hiện tại các Đại lý Phân phối mà Nhà đầu tư đã đăng ký giao dịch.

(e) Trường hợp Nhà đầu tư huỷ lệnh mua Chứng chỉ Quỹ sau khi đã chuyển tiền mua Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản của Quỹ trước Thời điểm đóng sổ lệnh, Công ty Quản lý Quỹ sẽ hoàn trả lại số tiền này cho Nhà đầu tư sớm nhất có thể trong vòng năm (5) Ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch liền sau thời điểm Nhà đầu tư huỷ lệnh và Công ty Quản lý quỹ có đầy đủ thông tin để hoàn

trả tiền cho Nhà đầu tư. Phí ngân hàng phát sinh (nếu có) từ việc hoàn trả tiền sẽ do Nhà đầu tư chịu.

3.13.10 **Người được uỷ quyền của Nhà đầu tư**

(a) Nhà đầu tư có thể uỷ quyền cho một cá nhân khác thực hiện đặt các lệnh giao dịch mua/bán/chuyển đổi/huỷ giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

(b) Người được ủy quyền để đại diện giao dịch cho Nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam phải đáp ứng được các điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 138 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

(c) Nhà đầu tư phải điền thông tin người được uỷ quyền vào Giấy đăng ký giao dịch chứng chỉ quỹ về việc uỷ quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ, và nộp đầy đủ các giấy tờ, hồ sơ theo yêu cầu đến Đại lý Phân phối. Thông tin người được uỷ quyền sẽ không được thay đổi cho đến khi Nhà đầu tư đăng ký lại người được uỷ quyền tại các Đại lý Phân phối.

3.13.11 **Quy định về thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quỹ**

(a) Nhà đầu tư/người được Nhà đầu tư ủy quyền thực hiện thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quỹ bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp hoặc thông qua đối tác trung gian thanh toán do DCVFM chỉ định vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát bằng tiền Việt Nam Đồng trước Thời điểm chốt sổ lệnh. Đối với Nhà đầu tư nước ngoài theo quy định pháp luật về quản lý ngoại hối và quy định về hoạt động của Nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, việc thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quỹ phải được thực hiện thông qua Tài khoản IICA của Nhà đầu tư. Nội dung chuyển khoản được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ tùy theo từng thời điểm.

(b) Trường hợp lệnh mua Chứng chỉ Quỹ và việc thanh toán cho lệnh mua của Nhà đầu tư được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức khác không phải là Nhà đầu tư thì phiếu lệnh và xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ số tài khoản của Nhà đầu tư và giá trị thanh toán.

(c) Đại hội Nhà đầu tư có thể quyết định (hoặc ủy quyền cho Ban đại diện Quỹ quyết định) thay đổi chính sách thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quỹ và không chấp nhận việc thanh toán được thực hiện bởi tổ chức/cá nhân không phải là Nhà đầu tư. Công ty Quản lý quỹ sẽ thông báo đến Nhà đầu tư khi có thay đổi chính sách thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quỹ. Trong trường hợp này, Nhà đầu tư phải đảm bảo việc thanh toán được thực hiện bởi chính Nhà đầu tư (từ tài khoản ngân hàng của Nhà đầu tư hoặc thông qua đơn vị cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán của Nhà đầu tư).

(d) Nhà đầu tư chịu trách nhiệm tuân thủ quy định về PCRT và quản lý ngoại hối liên quan đến giao dịch Chứng chỉ Quỹ và kiểm tra với ngân hàng của Nhà đầu tư. Công ty Quản lý Quỹ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào và Nhà đầu tư hoàn toàn chịu trách nhiệm liên quan đến việc ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản cho Nhà đầu tư từ chối các khoản thanh toán của Công ty Quản lý quỹ/Quỹ ghi có vào tài khoản của Nhà đầu tư, yêu cầu chứng minh dòng tiền/nguồn tiền, hoạt động chuyển vốn, lợi nhuận ra nước ngoài của Nhà đầu tư hay bất kỳ vấn đề nào khác liên quan đến việc tiền mua Chứng chỉ Quỹ không được chuyển từ tài khoản của chính Nhà đầu tư (bao gồm cả việc thanh toán được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức khác không phải là Nhà đầu tư, hoặc không được thực hiện thông qua tài khoản IICA theo quy định).

(e) Tiền mua chứng Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư sẽ chỉ được hoàn trả theo Điều 3.13.12(a).

3.13.12 **Các trường hợp giao dịch không hợp lệ**

Những trường hợp sau đây được xem là giao dịch không hợp lệ:

(a) Các trường hợp giao dịch mua không hợp lệ:

(i) Lệnh giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ được gởi đến Đại lý Phân phối sau thời điểm đóng sổ lệnh và/hoặc tiền mua Chứng chỉ Quỹ không tuân thủ giá trị đăng ký giao dịch mua tối thiểu theo quy định tại Điều 3.8 Chương X của Bản cáo bạch này;

(ii) Tiền mua Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư được chuyển vào tài khoản của Quỹ mà không có phiếu đặt lệnh mua Chứng chỉ Quỹ gửi đến Đại lý Phân phối;

(iii) Tiền mua Chứng chỉ Quỹ được chuyển vào tài khoản của Quỹ nhưng nội dung chuyển tiền thiếu số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư dẫn đến không xác định được danh tính Nhà đầu tư thụ hưởng;

(iv) Số tiền thanh toán của Nhà đầu tư thấp hơn giá trị của lệnh đăng ký mua; hoặc

(v) Lệnh giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ bị Công ty Quản lý quỹ từ chối thực hiện vì lý do đảm bảo tuân thủ quy định về PCRT hoặc theo hướng dẫn/yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

ngoại trừ trường hợp (v), tiền mua được tự động giữ lại để chuyển sang Ngày Giao dịch kế tiếp nếu Nhà đầu tư đã bổ sung lệnh giao dịch hợp lệ. Nhà đầu tư hoặc Đại lý Phân phối nơi Nhà đầu tư thực hiện giao dịch có trách nhiệm gửi thông báo về phương thức xử lý tiền mua Chứng chỉ Quỹ đến Công ty Quản lý Quỹ. Đối với các trường hợp giao dịch mua không hợp lệ quy định tại mục này, Công ty Quản lý Quỹ sẽ chuyển trả lại tiền mua Chứng chỉ Quỹ như sau:

- Đối với trường hợp (i), (ii), (iv) chuyển trả lại tiền mua Chứng chỉ Quỹ cho nhà đầu tư;
- Đối với trường hợp (iii) thì Nhà đầu tư phải cung cấp thêm các chứng từ cần thiết theo yêu cầu của Công ty Quản lý quỹ, Đại lý phân phối để bổ sung thêm thông tin thụ hưởng, việc hoàn trả chỉ được thực hiện sau khi Công ty Quản lý quỹ và Đại lý phân phối đã xác minh các thông tin của Nhà đầu tư là chính xác.
- Đối với trường hợp (v), việc xử lý tiền mua Chứng chỉ Quỹ sẽ phụ thuộc vào từng tình huống phát sinh cụ thể.

Phí ngân hàng phát sinh (nếu có) liên quan đến việc chuyển trả lại tiền mua Chứng chỉ Quỹ trong trường hợp giao dịch mua không hợp lệ nêu trên do người nhận tiền chịu.

Trong trường hợp người nộp tiền mua không phải là Nhà đầu tư, quy trình hoàn trả tiền cho người nộp tiền mua sẽ được triển khai khi Công ty quản lý quỹ thông báo trên trang thông tin điện tử.

(b) Các trường hợp giao dịch bán/bán chuyển đổi/mua chuyển đổi không hợp lệ:

(i) Các lệnh bán/bán chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ được gửi đến Đại lý Phân phối sau Thời điểm chốt sổ lệnh;

(ii) Số lượng Chứng chỉ Quỹ bán/bán chuyển đổi nhiều hơn số lượng Chứng chỉ Quỹ mà Nhà đầu tư đang sở hữu;

(iii) Lệnh giao dịch bán Chứng chỉ Quỹ bị Công ty Quản lý quỹ từ chối thực hiện vì lý do đảm bảo tuân thủ quy định về PCRT hoặc theo hướng dẫn/yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

(iv) Tổng số tiền thanh toán cho lệnh bán chuyển đổi ít hơn giá trị mua tối thiểu của quỹ mục tiêu. Việc xử lý giao dịch trong trường hợp này được thực hiện theo quy định tại Điều 3.13.4 Chương X của Bản cáo bạch.

3.13.13 **Đóng tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ**

Tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư sẽ được đóng trong các trường hợp sau:

(a) Khi Nhà đầu tư có yêu cầu bằng văn bản về việc đóng tài khoản với điều kiện là Nhà đầu tư phải thực hiện lệnh bán nhằm đưa số Đơn vị Quỹ trong tài khoản về bằng 0 (không) trước khi thực hiện đóng tài khoản; hoặc

(b) Khi Nhà đầu tư đã mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ nhưng không thực hiện bất cứ giao dịch nào trong vòng 3 (ba) năm, Đại lý phân phối sẽ gửi thông báo đến các Nhà đầu tư và đóng các tài khoản này theo quy trình do Đại lý phân phối quy định; hoặc

(c) Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo quy định của pháp luật.

Nhà đầu tư không thể thực hiện bất cứ giao dịch nào trên tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ đã được đóng. Nếu muốn tiếp tục giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Nhà đầu tư phải mở một tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ mới tại Đại lý Phân phối của Quỹ.

3.14 Giá dịch vụ áp dụng

Các mức giá dịch vụ áp dụng theo quy định tại Điều 3.5, 3.6 và 3.7 Chương X của Bản cáo bạch.

4. Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

4.1 Tần suất xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Ngày Định giá là Ngày làm việc (của kỳ định giá ngày), ngày thứ Sáu hàng tuần (của kỳ định giá tuần) và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo (của kỳ định giá tháng). Trong trường hợp Ngày Định giá rơi vào ngày nghỉ, ngày nghỉ lễ, tết, các ngày làm việc bù vào ngày thứ Bảy và/hoặc chủ nhật, ngày nghỉ bù theo quy định pháp luật thì Ngày Định giá là Ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó, ngoại trừ kỳ định giá tháng thì vẫn là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo.

Trường hợp Công ty Quản lý quỹ thay đổi kỳ xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ thì Công ty Quản lý quỹ phải xin ý kiến chấp thuận từ Ban đại diện Quỹ trước khi thực hiện.

4.2 Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá trị tài sản ròng của Quỹ (NAV): được xác định bằng tổng giá trị các tài sản do Quỹ DCDE sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ tại ngày gần nhất trước Ngày Định giá. Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày Định giá. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường hoặc giá thị trường có biến động bất thường theo quy định tại sổ tay định giá và đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản).

Ngân hàng Giám sát sẽ thực hiện giám sát việc xác định giá tài sản ròng (bao gồm tổng tài sản và tổng nợ phải trả) của Quỹ đồng thời sẽ thực hiện kiểm tra, bảo đảm Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ.

Cụ thể được xác định theo phương thức sau:

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VNĐ)	Số dư tiền trong tài khoản không kỳ hạn tại ngày trước ngày định giá.
2.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi phải thu tính tới ngày trước ngày định giá.
3.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
4.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết bình quân (giá sạch) trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo phương pháp định giá là giá Reuters (lấy theo giá Bid) gần nhất trong vòng 90 ngày trước ngày định giá. Trong trường hợp không có giá Reuters (giá Bid) nhiều hơn 90 ngày trước ngày định giá hoặc trong các tình huống thị trường có nhiều biến động Công ty quản lý quỹ sẽ đưa ra giá tham chiếu phù hợp nhất và trình Đại hội nhà đầu tư phê duyệt.
Trái phiếu chính phủ		

5.	Trái phiếu chính phủ	- Giá yết bình quân (giá sạch) cho các giao dịch thông thường (outright) trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế. Trong các trường hợp sau: • không có giao dịch trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá; hoặc • Giá yết bình quân trên có nhiều biến động bất thường quá ±0,5% so với giá tham chiếu được xác định theo phương pháp định tại mục ghi chú (*), Thì giá của trái phiếu là một trong các mức giá sau: + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá tham chiếu tại mục (*) cộng lãi luỹ kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận. (*) Giá tham chiếu của trái phiếu chính phủ sẽ theo các cách thức sau: - Giá trái phiếu chính phủ (giá sạch) được xác định theo phương pháp định giá là giá Reuters (lấy theo giá Bid) gần nhất trong vòng 90 ngày trước ngày định giá. - Trong trường hợp không có giá Reuters (giá Bid) nhiều hơn 90 ngày trước ngày định giá; hoặc trong các tình huống thị trường có nhiều biến động, Công ty quản lý quỹ sẽ dùng giá Bloomberg (giá Bid), hoặc giá Finpro, hoặc giá mua gần nhất. Trường hợp trái phiếu trong giai đoạn từ khi đấu thầu thành công đến khi được niêm yết hoặc trái phiếu trong quá trình chờ niêm yết (đối với trái phiếu phát hành ra công chúng) hoặc chờ lên sàn giao dịch tập trung (đối với trái phiếu phát hành riêng lẻ), giá trái phiếu được xác định là giá mua cộng lãi lũy kế. Trường hợp trái phiếu bị hủy niêm yết/ hủy đăng ký giao dịch vì lý do gần đến ngày đáo hạn thì giá được xác định bằng mệnh giá cộng lãi lũy kế. Trường hợp trái phiếu bị hủy niêm yết vì lý do tổ chức phát hành mua lại trước hạn thì giá được xác định giá sạch được tổ chức phát hành cam kết mua lại cộng lãi luỹ kế. Các trường hợp trái phiếu bị hủy niêm yết vì lí do khác thì phương pháp xác định giá sẽ được Ban đại diện Quỹ thông qua theo từng trường hợp cụ thể.
Cổ phiếu		
6.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán; cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức niêm yết. Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao	- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, theo quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày giao dịch gần nhất trong vòng 90 ngày trước ngày định giá;

	dịch trên hệ thống UpCom, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức đăng ký giao dịch, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức đăng ký giao dịch	+ Giá mua (giá cost); + Giá trị sổ sách; + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận. - Trường hợp cổ phiếu được chấp thuận niêm yết nhưng chưa có giao dịch đầu tiên thì định giá như trường hợp cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng trong quá trình làm thủ tục niêm yết.
7.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch do thay đổi Sở Giao Dịch Chứng Khoán	Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, theo quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày giao dịch gần nhất trong vòng 90 ngày trước ngày định giá; + Giá mua (giá cost); + Giá trị sổ sách; + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
8.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch không phải do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	Là một trong các mức giá sau: - Giá trị sổ sách; - Mệnh giá; - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
9.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
10.	Cổ phần, vốn góp khác (bao gồm cả cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng đang trong quá trình làm thủ tục niêm yết)	- Giá trị trung bình các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá (của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban đại diện Quỹ phê duyệt) tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban đại diện Quỹ phê duyệt, là một trong các mức giá sau: + Giá trung bình các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá từ hai (02) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban đại diện Quỹ phê duyệt; + Giá của kỳ định giá gần nhất nhưng không quá 90 ngày tính đến ngày trước ngày định giá; + Giá mua; + Giá trị sổ sách; + Giá xác định theo Mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Chứng chỉ quỹ		

11.	Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết	- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ của chứng chỉ quỹ đó được công bố thông tin trên website Công ty Quản lý quỹ đó; hoặc trên Sở giao dịch; hoặc trên website UBCKNN tại ngày gần nhất trước ngày định giá của Quỹ; + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày giao dịch gần nhất trong vòng 90 ngày trước ngày định giá; + Giá mua (giá cost);
12.	Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước ngày định giá của Quỹ
13.	Chứng chỉ quỹ đại chúng bị hủy niêm yết do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	Là một trong các mức giá sau: - Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá mua; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận.
Chứng khoán phái sinh		
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Trong trường hợp không có giá đóng cửa của Sở giao dịch chứng khoán như quy định tại điều này, thì giá xác định theo giá thanh toán cuối ngày/giá thanh toán cuối cùng (trong trường hợp đáo hạn) được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC") cung cấp tới thành viên bù trừ giao dịch phái sinh và được VSDC công bố trên trang thông tin điện tử của VSDC tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
15.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
16.	Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh	Được quy định chi tiết tại mục ghi chú 3 dưới đây.
Chứng quyền có bảo đảm		
17.	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, theo quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày giao dịch gần nhất trong vòng 90 ngày trước ngày định giá; + Giá mua (giá cost); + Giá trị sổ sách; + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Các tài sản khác		

18.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Tùy theo từng trường hợp cụ thể, giá của các tài sản sẽ được xác định một cách phù hợp theo một trong các phương pháp sau đây: Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do ít nhất 02 (hai) tổ chức báo giá cung cấp; hoặc theo phương pháp đã được Ban đại diện chấp thuận
19.	Quyền mua cổ phiếu	Giá của quyền mua là phần chênh lệch dương giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và giá thực hiện quyền mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền.

Ghi chú 1: Các thuật ngữ chung

- Lãi lũy kế: là khoản lãi tính từ ngày trả lãi gần nhất tới ngày trước ngày định giá.
- Giá trị sổ sách của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành.
- Ngày được hiểu là ngày theo lịch dương
- Lãi suất trung bình tiền gửi 12 tháng là trung bình lãi suất được công bố bởi bốn Ngân hàng thương mại cổ phần có vốn nhà nước (Agribank, BIDV, Vietcombank, Vietinbank).
- Trái phiếu trơn (Clean bond) là loại trái phiếu thông thường, không đi kèm các quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.
- Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể chuyển đổi thành chứng khoán vốn, cụ thể là cổ phiếu theo quyết định của trái chủ

Ghi chú 3: Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh

1. Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.

2. Khi tính giá trị cam kết, công ty quản lý quỹ được áp dụng:

- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;

- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;

- Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại chứng khoán	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn[1] điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = số hợp đồng × khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta[2]
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn[3] điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại

4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ngân hàng giám sát và được ban đại diện quỹ chấp thuận

Ghi chú:

[1] Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

[2] Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận

[3] Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

Giá trị tài sản ròng của quỹ (NAV) = Tổng tài sản của quỹ - Tổng nợ phải trả của quỹ

Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ (NAV/ccq) bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch trước ngày định giá, NAV/chứng chỉ quỹ được lấy đến 2 chữ số thập phân.

4.3 Công bố Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ tại địa chỉ: https://dragoncapital.com.vn/

5. Thông tin hướng dẫn tham gia đầu tư vào Quỹ và thực hiện giao dịch

Vui lòng xem Phụ lục 2 về các hướng dẫn tham gia đầu tư và thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ ngoài các nội dung tại Chương X của Bản cáo bạch này.

XI. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính bán niên, các báo cáo tài chính hàng năm sẽ được soát xét bán niên, kiểm toán độc lập hàng năm bởi Công ty Kiểm toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban đại diện Quỹ và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ để Nhà đầu tư có thể tham khảo.

2. Tình hình phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ

Năm	Tình hình phát hành (giao dịch mua)		Tình hình mua lại (giao dịch bán)	
	Số lượng CCQ	Số tiền VNĐ (trước thuế và phí)	Số lượng CCQ	Số tiền VNĐ (trước thuế và phí)
2021	10.776.084,21	296.362.644.360	15.671.846,05	399.916.471.066
2022	10.633.075,68	293.336.228.598	9.544.184,64	228.188.750.946
2023	3.415.002,16	80.290.879.206	5.668.412,67	129.849.117.279
2024	14.275.115,00	398.636.169.139	10.392.556,97	290.130.246.002
2025	21.283.701,78	652.999.278.263	12.763.151,48	385.207.984.622

** Giá trị đã bao gồm lệnh mua chuyển đổi và bán chuyển đổi*

3. Giá dịch vụ

3.1 Giá dịch vụ quản lý quỹ, quản trị quỹ, đại lý chuyển nhượng:

3.1.1 Giá dịch vụ quản lý quỹ

(a) Giá dịch vụ quản lý quỹ là 1,93% NAV/năm. Giá dịch vụ này được trả cho Công ty Quản lý quỹ DCVFM để thực hiện các dịch vụ quản lý cho Quỹ DCDE. Tỷ lệ Giá dịch vụ quản lý quỹ sẽ được Công ty Quản lý quỹ xác định trong từng giai đoạn nhưng phải đảm bảo tổng Giá dịch vụ quản lý quỹ và các giá dịch vụ khác mà Quỹ chi trả cho Công ty Quản lý quỹ (nếu có) tuân thủ các quy định của pháp luật.

(b) Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

(c) Công thức tính Giá dịch vụ quản lý quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ quản lý quỹ cho kỳ định giá = Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý (năm) x NAV tại ngày trước Ngày Định giá × số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

(d) Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì Giá dịch vụ quản lý quỹ được xác định như sau:

Giá dịch vụ quản lý quỹ trong tháng = [Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý (năm) × NAV tại ngày trước Ngày Định giá của kỳ đầu tiên trong tháng × số ngày lẻ thực tế từ đầu tháng đến trước Ngày Định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + Giá dịch vụ quản lý quỹ của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ Giá dịch vụ quản lý quỹ (năm) × NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng × số ngày lẻ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]

3.1.2 Giá dịch vụ quản trị quỹ

(a) Giá dịch vụ quản trị quỹ là mức giá dịch vụ do Quỹ DCDE trả cho Tổ chức cung cấp Dịch vụ Quản trị quỹ cho Quỹ.

(b) Giá dịch vụ quản trị quỹ tối đa là 0,03% NAV/năm (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)). Tối thiểu là 5.000.000 đồng/tháng (chưa bao gồm thuế GTGT)

(c) Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

(d) Công thức tính giá dịch vụ quản trị quỹ và giá dịch vụ lập báo cáo tài chính cho quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ quản trị quỹ cho kỳ định giá = Tỷ lệ % giá dịch vụ quản trị quỹ (năm) × NAV tại ngày trước Ngày Định giá × số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

(e) Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì giá dịch vụ quản trị quỹ được xác định như sau:

Giá dịch vụ quản trị quỹ trong tháng = [Tỷ lệ % giá dịch vụ quản trị quỹ (năm) × NAV tại ngày trước ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng × số ngày lẻ thực tế từ đầu tháng đến trước ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + Giá dịch vụ quản trị quỹ của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % giá dịch vụ quản trị quỹ (năm) × NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng × số ngày lẻ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]

3.1.3 Giá Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng

(a) Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là mức giá do Quỹ chi trả cho Tổ chức cung cấp Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo

bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ, Đại lý Phân phối hoặc dưới các hình thức khác.

(b) Công thức tính giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng vào mỗi kỳ định giá trong tháng được xác định như sau:

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho kỳ định giá = Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng hàng tháng/ số ngày thực tế của tháng × số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá

(c) Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty Quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng. Ngoài ra, Quỹ sẽ trả các chi phí liên quan đến việc thực hiện quyền cho Tổ chức cung cấp Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng theo thỏa thuận trong hợp đồng.

3.2 Giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký

(a) Giá dịch vụ giám sát, lưu ký được trả cho Ngân hàng Giám sát để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát, lưu ký cho Quỹ. Giá dịch vụ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước Ngày Định giá và được trả hàng tháng. Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

(b) Giá dịch vụ giám sát là **0,04% NAV/năm** (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)). Tối thiểu là 23.000.000 đồng/tháng (chưa bao gồm thuế GTGT)

(c) Giá dịch vụ lưu ký tối đa là **0,04% NAV/năm**, tối thiểu là 22.000.000 đồng/tháng. Mức giá dịch vụ này chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch chứng khoán tối đa là 100.000 đồng/giao dịch.

(d) Mức giá dịch vụ trên không bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, chi phí pháp lý, chi phí tem thư, phí sửa đổi/hủy bỏ giao dịch, phí đăng ký cổ phiếu từ chưa niêm yết sang niêm yết hay từ trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu, v.v....

(e) Tổng giá dịch vụ giám sát, lưu ký tối đa đảm bảo tuân thủ theo quy định pháp luật (nếu có).

(f) Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

(g) Công thức tính giá dịch vụ giám sát, lưu ký vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ giám sát, lưu ký (chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch chứng khoán) cho kỳ định giá = Tỷ lệ % giá dịch vụ giám sát, lưu ký (năm) × NAV tại ngày trước Ngày Định giá × số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

(h) Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì giá dịch vụ giám sát, lưu ký được xác định như sau:

Giá dịch vụ giám sát, lưu ký (chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch chứng khoán) trong tháng = [Tỷ lệ % giá dịch vụ giám sát, lưu ký (năm) × NAV tại ngày trước Ngày Định giá của kỳ đầu tiên trong tháng × số ngày lẻ thực tế từ đầu tháng đến trước ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + Giá dịch vụ giám sát, lưu ký của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % giá dịch vụ giám sát, lưu ký (năm) × NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng × số ngày lẻ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]

(i) Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty Quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ.

3.3 Các loại giá dịch vụ khác

Các loại giá dịch vụ khác, bao gồm và không giới hạn giá dịch vụ kiểm toán, tư vấn thuế, định giá...theo quy định tại các hợp đồng dịch vụ do Công ty Quản lý quỹ sẽ thay mặt Quỹ để thực hiện ký kết, được quy định chi tiết tại Mục 8 Phụ Lục 3 của Bản cáo bạch này.

4. Các chỉ tiêu hoạt động

Báo cáo chỉ tiêu hoạt động của Quỹ DCDE sẽ được Công ty Quản lý quỹ DCVFM cập nhật định kỳ (nếu có sự thay đổi) đồng thời với việc thực hiện cập nhật Bản cáo bạch này.

4.1 Tỷ lệ chi phí của Quỹ

(a) Chi phí hoạt động của Quỹ là các khoản chi phí (sau thuế) được nêu tại Điều 3 Chương XI của Bản cáo bạch này.

(b) Tỷ lệ tổng chi phí của Quỹ (TERo) sẽ được giới hạn ở hạn mức 2,5% NAV/năm (NAV dùng để tính phí). Tổng chi phí cho mục đích tính TERo bao gồm tất cả các chi phí hoạt động của Quỹ (ngoại trừ phí giao dịch đầu tư).

(c) Phần vượt hạn mức TERo 2,5%NAV/năm sẽ được giảm trừ vào chi phí quản lý quỹ và có hiệu lực từ ngày hiệu lực của Bản cáo bạch này cho đến khi có thông báo khác trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ DCVFM. Tỷ lệ chi phí của Quỹ xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí của Quỹ} \times 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong năm của Quỹ}}$$

Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo là tổng Giá trị tài sản ròng của Quỹ tính tại các Ngày Định giá chia cho số Ngày Định giá Chứng chỉ Quỹ trong kỳ báo cáo.

4.2 Tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ

(a) Trong quá trình hoạt động, Quỹ sẽ phát sinh các chi phí liên quan đến giao dịch mua và bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán ("quay vòng"), số lượng và giá trị các giao dịch mua/bán chứng khoán càng lớn thì các chi phí liên quan đến giao dịch càng nhiều, do đó sẽ ảnh hưởng tới kết quả chung của Quỹ DCDE, Tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ là chỉ tiêu phản ánh ảnh hưởng của hoạt động mua/bán trên tới kết quả của Quỹ đầu tư.

(b) Chỉ tiêu Tốc độ vòng quay danh mục đầu tư của Quỹ DCDE được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{\text{(Tổng giá trị mua vào từ đầu năm đến kỳ báo cáo + Tổng giá trị bán ra từ đầu năm đến kỳ báo cáo)} \times 100\% \times \text{Hệ số điều chỉnh}}{2 \times \text{Giá trị tài sản ròng trung bình từ đầu năm đến kỳ báo cáo}}$$

Hệ số điều chỉnh = Số ngày trong năm dương lịch (365 hoặc 366)/số ngày từ ngày đầu năm đến kỳ báo cáo.

5. Phương pháp tính thu nhập và kế hoạch phân phối lợi nhuận

5.1 Thu nhập của Quỹ

Thu nhập của quỹ = Doanh thu đầu tư – Chi phí

(a) Doanh thu của Quỹ bao gồm các khoản sau:

- Cổ tức;
- Lãi trái phiếu;
- Lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi;
- Chênh lệch mua bán từ các hoạt động đầu tư Quỹ;
- Các khoản thu nhập khác, nếu có, phát sinh từ việc đầu tư tài sản.

(b) Chi phí của quỹ bao gồm các khoản sau:

- Chi phí đầu tư là chi phí phát sinh cho các giao dịch mua/bán đầu tư tài sản của quỹ
- Chi phí hoạt động tại Điều 3 Chương XI.

5.2 Phân phối lợi nhuận

5.2.1 Tình hình lợi nhuận đã phân phối

Trong giai đoạn từ ngày 06/06/2025 đến ngày 02/06/2026, Quỹ đã thực hiện phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư, cụ thể như sau:

(a) Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư ("**ĐHNĐT**") triệu tập lần 2 vào ngày 08/05/2025, ĐHNĐT đã thống nhất thông qua Phương án phân phối lợi tức/tài chính 2024 của Quỹ DCDE và ủy quyền cho Ban đại diện Quỹ quyết định mức chi trả lợi tức tài chính, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận và thời điểm thực hiện căn cứ tình hình thực tế, trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật có liên quan và Điều lệ Quỹ. DCVFM thực hiện các công việc liên quan đến việc phân phối lợi tức theo quyết định của Ban đại diện Quỹ.

(b) Căn cứ theo Nghị quyết Ban đại diện Quỹ DCDE số 01.25/NQ/BDD/DCDE/25 ngày 09/05/2025, Ban đại diện Quỹ đã thông qua tỷ lệ chi trả lợi tức là 14%/chứng chỉ quỹ (01 chứng chỉ quỹ được nhận 1.400 đồng) và ngày thanh toán lợi tức là ngày 06/6/2025 thông qua hình thức chuyển khoản.

(c) Trong tháng 06/2025, căn cứ trên báo cáo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng chỉ quỹ được trích xuất từ hệ thống quỹ mở của Đại lý chuyển nhượng, DCVFM đã thực hiện thanh toán thành công cho 17.264 Nhà đầu tư có đầy đủ thông tin về tài khoản và ngân hàng thụ hưởng với tổng số tiền cổ tức được chi trả là 26.501.663.563 đồng và số thuế được khấu trừ là 1.471.140.415 đồng. Đối với 1.051 Nhà đầu tư còn lại không có đầy đủ thông tin về tài khoản và ngân hàng thụ hưởng hoặc thông tin về tài khoản và ngân hàng thụ hưởng chưa chính xác, tương ứng với tổng số tiền cổ tức phải chi trả là 1.716.229.039 đồng và số thuế được khấu trừ là 90.337.331 đồng, DCVFM sẽ thực hiện thanh toán số cổ tức trên khi nhận được thông tin đầy đủ về tài khoản và ngân hàng thụ hưởng từ các Nhà đầu tư này.

(d) Từ ngày 01/07/2025 cho đến ngày 02/06/2026, đã có 48 Nhà đầu tư tiến hành bổ sung thêm thông tin về tài khoản và ngân hàng thụ hưởng, do đó DCVFM đã thực hiện thanh toán cho những Nhà đầu tư trên với tổng số tiền cổ tức chi trả là 94.574.434 đồng và số thuế được khấu trừ là 4.977.606 đồng.

5.2.2 Kế hoạch phân phối lợi nhuận

Dựa trên kết quả hoạt động của Quỹ, Công ty quản lý quỹ sẽ đề xuất kế hoạch phân phối lợi nhuận (nếu có) tới Đại hội nhà đầu tư để thông qua. Sau khi được Đại hội nhà đầu tư, Công ty quản lý quỹ sẽ thực hiện chi trả lợi nhuận đã phân phối tới nhà đầu tư theo quy định hiện hành.

6. Dự báo kết quả hoạt động của Quỹ

Các dự báo, ước đoán về tình hình kinh tế vĩ mô và cơ hội đầu tư trong Bản cáo bạch này không hàm ý đảm bảo về kết quả hoạt động trong tương lai của Quỹ.

XII. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

1. Công ty Quản lý quỹ sẽ:
   - Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi quỹ do Công ty Quản lý quỹ quản lý;
   - Tách biệt tài sản của Công ty Quản lý quỹ với tài sản của các quỹ do Công ty Quản lý quỹ quản lý, tài sản của nhà đầu tư uỷ thác;
   - Tách biệt tài sản của các quỹ do Công ty Quản lý quỹ quản lý.
2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty Quản lý quỹ, thành viên Ban giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty Quản lý quỹ sẽ được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành.
3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty Quản lý quỹ.

XIII. CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Công ty Quản lý quỹ DCVFM sẽ chuẩn bị các báo cáo định kỳ của công ty và của Quỹ DCDE, các báo cáo này sẽ được Công ty Quản lý quỹ DCVFM gửi đến UBCKNN theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

2. Các báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán và các báo cáo về hoạt động của Quỹ sẽ được Công ty Quản lý quỹ DCVFM sao gửi đến các thành viên Ban đại diện Quỹ DCDE và được cung cấp miễn phí trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ DCVFM tại địa chỉ www.dragoncapital.com.vn và tại các hệ thống Đại lý Phân phối chứng chỉ quỹ do Công ty Quản lý quỹ chỉ định.

3. Báo cáo hoạt động Quỹ được thực hiện như sau:

- Đối với báo cáo NAV: được công bố không trễ hơn một (01) Ngày làm việc kể từ Ngày Định giá (giao dịch Chứng chỉ Quỹ);
- Đối với các báo cáo hoạt động Quỹ: được thực hiện định kỳ báo cáo tháng, quý và năm theo quy định của pháp luật hiện hành.

XIV. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM

Trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (84-28) 3825 1488 Fax: (84-28) 3825 1489

Mọi thắc mắc sẽ được giải đáp tại tất cả các Đại lý Phân phối Chứng chỉ Quỹ DCDE. Danh sách Đại lý Phân phối được đính kèm trong Phụ lục 1 của Bản cáo bạch này.

XV. CAM KẾT

Công ty Quản lý quỹ cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong Bản cáo bạch này.

XVI. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

- Phụ lục 1 - Danh sách các Đại lý Phân phối chính thức của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tập trung Cổ tức DC (DCDE).
- Phụ lục 2 - Quy trình và các hướng dẫn đăng ký giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
- Phụ lục 3 - Tóm tắt Điều lệ Quỹ

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng Giám sát

M.S.D.N: 0103617147 NGÂN HÀNG TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN STANDARD CHARTERED (VIỆT NAM) C.T.T.N.H.H

Nguyễn Thuỳ Linh

Phó phòng Dịch vụ nghiệp vụ giám sát Quỹ

ĐẠI DIỆN CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC

S.G.P: C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM P. SÀI GÒN - T.P HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN KIÊN CƯỜNG

TRƯỞNG BỘ PHẬN LUẬT VÀ TUÂN THỦ

PHỤ LỤC 1. DANH SÁCH CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHÍNH THỨC CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU TẬP TRUNG CỔ TỨC DC (DCDE)

Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tập trung Cổ tức DC (DCDE) được phân phối thông qua các Đại lý Phân Phối chính thức sau:

1. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM (DCVFM)

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (84-28) 3825 1488 Fax: (84-28) 3825 1477
- Địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ: Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Ứng dụng phân phối Chứng chỉ Quỹ: DragonX

2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH (HSC)

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 5 và 6 Tòa nhà AB, 76A Đường Lê Lai, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Số giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối: 56/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 31 tháng 12 năm 2021
- Điện thoại: (84-28) 3823 3229 Fax: (84-28) 3823 3301
- Địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ: Tầng 5 và 6 Tòa nhà AB, 76A Đường Lê Lai, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Ứng dụng phân phối Chứng chỉ Quỹ: Không phân phối qua app

3. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM (KIS)

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, Tòa nhà TNR, số 180-192 Nguyễn Công Trứ, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Số giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối: 20/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 28 tháng 5 năm 2021
- Điện thoại: (84-28) 3914 8585 Fax: (84-28) 3821 6898
- Địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ: Tầng 3, Tòa nhà TNR, số 180-192 Nguyễn Công Trứ, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Ứng dụng phân phối Chứng chỉ Quỹ: Không phân phối qua app

4. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT (VNDIRECT)

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Số giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối: 05/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 04 tháng 5 năm 2021
- Điện thoại: (84-24) 3972 4568 Fax: (84-24) 3972 4568
- Địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Ứng dụng phân phối Chứng chỉ Quỹ: VNDIRECT DGO

5. CÔNG TY CỔ PHẦN FINCORP (Fincorp – Fmarket)

- Địa chỉ trụ sở chính: 176/1 – 176/3 Đường Nguyễn Văn Thương, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Số giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối: 01/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 04 tháng 02 năm 2018
- Điện thoại: (84-28) 3636 1079 Fax: (84-28) 3636 1078
- Địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ: 176/1 – 176/3 Đường Nguyễn Văn Thương, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Ứng dụng phân phối Chứng chỉ Quỹ: Fmarket

6. **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FINHAY (Finhay – trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina)**

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 8, Tòa nhà Capital Building, số 58 phố Kim Mã, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Số giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối: 42/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 24 tháng 8 năm 2022
- Điện thoại: (84-24) 6668 7896
- Địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ: Tầng 8, Tòa nhà Capital Building, số 58 phố Kim Mã, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Ứng dụng phân phối Chứng chỉ Quỹ: VNSC by Finhay

7. **CÔNG TY CỔ PHẦN DIGI INVEST (Digi Invest)**

- Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà Golden West, số 02, đường Lê Văn Thiêm, Phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Số giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối: 134/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 21 tháng 6 năm 2023
- Điện thoại: (84-24) 7300 1662 / 1900 636 725
- Địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ: Tòa nhà Golden West, số 02, đường Lê Văn Thiêm, Phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Ứng dụng phân phối Chứng chỉ Quỹ: MB Bank, MBV Bank, Viettelmoney

8. **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPBANK (VPBANKS)**

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 25, Tòa nhà VPBank, số 89 đường Láng Hạ, Phường Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Số giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối: 52/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 22 tháng 9 năm 2022
- Điện thoại: 1900 636 679 Fax: (84-28) 3824 8655
- Địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ: Tầng 25, Tòa nhà VPBank, số 89 đường Láng Hạ, Phường Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Ứng dụng phân phối Chứng chỉ Quỹ: VPBank NEO, NEO Invest

9. **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG (TCBS)**

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 27, tầng 28 và tầng 29, Tòa C5-D'Capitale, số 119 đường Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Số giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối: 125/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 30 tháng 5 năm 2018
- Điện thoại: (84-24) 3944 6368 Fax: (84-24) 3944 6583
- Địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ: Tầng 27, tầng 28 và tầng 29, Tòa C5-D'Capitale, số 119 đường Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Ứng dụng phân phối Chứng chỉ Quỹ: TCInvest

10. **CÔNG TY CỔ PHẦN INVESTINGPRO (InvestingPro)**

- Địa chỉ trụ sở chính: SVP.313, Tầng 03, Tòa nhà The Golden Palm, 21 Lê Văn Lương, Phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Số giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối: 34/GCN-UBCKNN do UBCKNN cấp ngày 23 tháng 4 năm 2024
- Điện thoại: (84-24) 3201 3228
- Địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ: SVP.313, Tầng 03, Tòa nhà The Golden Palm, 21 Lê Văn Lương, Phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Ứng dụng phân phối Chứng chỉ Quỹ: InvestingPro (iOS), InvestingPro VN (Android)

11. **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM) (GTJA Việt Nam)**

- Địa chỉ trụ sở chính: P9-10, tầng 1, Charm Vit Tower, số 117 Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Số giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối: 260/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 08 tháng 8 năm 2023
- Điện thoại: (84-24) 3573 0073 Fax: (84-24) 3573 0088
- Địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ: P9-10, tầng 1, Charm Vit Tower, số 117 Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Ứng dụng phân phối Chứng chỉ Quỹ: GTJAS Mobile

12. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET (VIỆT NAM) (MAS)

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 7, Tòa nhà Le Meridien, 3C Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Số giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối: 11/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 13 tháng 5 năm 2021
- Điện thoại: (84-28) 3910 2222 Fax: (84-28) 3910 7222
- Địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ: Tầng 7, Tòa nhà Le Meridien, 3C Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Ứng dụng phân phối Chứng chỉ Quỹ: M-stock

13. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

- Địa chỉ trụ sở chính: Khu vực 1, Tầng 7 - 8, Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Số giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối: 29/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 13 tháng 7 năm 2021
- Điện thoại: (84-24) 7304 5688 Fax: (84-24) 3726 2601
- Các địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ:
    - Trụ sở chính: Khu vực 1, Tầng 7 - 8, Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
    - Chi nhánh SGD1: Tầng 3, số 3 Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
    - Chi nhánh Hà Nội: Tầng 5, số 98 Ngụy Như Kon Tum, Phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
    - Chi nhánh Hải Phòng: Tầng 3, số 6, lô 30A đường Lê Hồng Phong, Phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
    - Chi nhánh Hồ Chí Minh: Tầng 5, Tòa nhà Sunny Tower, số 259 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
    - Chi nhánh Sài Gòn: Tầng 9, Tòa nhà Havana, 132 Hàm Nghi, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
    - Chi nhánh Bắc Sài Gòn: Tầng trệt Khu thương mại, Tòa nhà The Prince Residence, số 17-19-21 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Ứng dụng phân phối Chứng chỉ Quỹ: MBS Mobile

14. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ACB (ACBS)

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, số 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Số giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối: 114/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 06 tháng 6 năm 2023
- Điện thoại: (84-28) 7300 7000 Fax: (84-28) 7300 3751
- Địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ: Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, số 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Ứng dụng phân phối Chứng chỉ Quỹ: ACBS Smart

15. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI (SSI)

- Địa chỉ trụ sở chính: 72 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Số giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối: 07/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 29 tháng 4 năm 2021
- Điện thoại: (84-28) 3824 2897 Fax: (84-28) 3824 2997
- Các địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ:
    - Trụ sở chính: 72 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
    - Chi nhánh Hà Nội: Số 1C Ngô Quyền, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
    - Chi nhánh Nguyễn Công Trứ: Tầng 7 Tòa nhà ROX, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
    - Chi nhánh Mỹ Đình: C014 và C015 Tầng G, tháp The Manor, đường Mễ Trì, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
    - Chi nhánh Hải Phòng: 22 Lý Tự Trọng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
- Ứng dụng phân phối Chứng chỉ Quỹ: SSI

Khi có thay đổi danh sách Đại lý Phân phối, Công ty Quản lý quỹ thông báo trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ DCVFM và cập nhật vào Bản cáo bạch.

PHỤ LỤC 2. QUY TRÌNH VÀ CÁC HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Lưu ý: Nhà đầu tư liên lạc Công ty Quản lý quỹ và/hoặc Đại lý Phân phối nếu cần hướng dẫn cụ thể hơn về các yêu cầu liên quan đến mở tài khoản và thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

1. Mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ

1.1 Nhà đầu tư cần hoàn tất các thủ tục mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ (sau đây gọi là "**Tài khoản GD**") tại các Đại lý Phân phối chỉ định trước khi thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

1.2 Nhà đầu tư có thể mở nhiều Tài khoản GD tại các Đại lý Phân phối khác nhau để giao dịch Chứng chỉ Quỹ với điều kiện là tại mỗi Đại lý Phân phối thì Nhà đầu tư chỉ có một Tài khoản GD. Các tài khoản GD tại các Đại lý Phân phối khác nhau của cùng một Nhà đầu tư được quản lý độc lập. Do đó, mỗi Tài khoản GD của Nhà đầu tư mở tại mỗi Đại lý Phân phối phải đảm bảo tuân thủ các quy định liên quan, bao gồm cả quy định về đảm bảo số dư Đơn vị Quỹ tối thiểu và các giá trị/số lượng đăng ký giao dịch tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch một cách độc lập.

1.3 Hồ sơ và quy trình mở Tài khoản GD tại Đại lý Phân phối thực hiện theo quy định của Đại lý Phân phối đó. Hồ sơ mở tài khoản phải tuân thủ quy định pháp luật có liên quan, bao gồm cả các quy định về KYC, PCRT, Hiệp định giữa Việt Nam và Hoa Kỳ về FATCA. Nhà đầu tư cần cung cấp hồ sơ và các thông tin theo quy định đầy đủ và trung thực. Tài khoản GD chỉ được mở sau khi Nhà đầu tư cung cấp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định.

1.4 Quy định thêm đối với Nhà đầu tư nước ngoài:

1.4.1 Nhà đầu tư nước ngoài đầu tư và giao dịch Chứng chỉ Quỹ phải tuân thủ pháp luật Việt Nam về thuế, quản lý ngoại hối, hoạt động đầu tư chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán và pháp luật nước sở tại của Nhà đầu tư (nếu có).

1.4.2 Nhà đầu tư nước ngoài có thể cần mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp bằng tiền Đồng Việt Nam tại một ngân hàng thương mại và chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép kinh doanh và hoạt động cung ứng dịch vụ ngoại hối tại Việt Nam ("**Tài khoản IICA**") và cần xin cấp mã số giao dịch chứng khoán trước khi mở tài khoản và thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Tất cả các giao dịch thu chi liên quan đến hoạt động đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam của Nhà đầu tư nước ngoài (bao gồm, nhưng không giới hạn giao dịch mua/bán Chứng chỉ Quỹ, nhận cổ tức, mua ngoại tệ để chuyển vốn, lợi nhuận và các nguồn thu hợp pháp ra nước ngoài, v.v.) đều phải được thực hiện thông qua Tài khoản IICA này.

1.4.3 Nhà đầu tư nước ngoài có nghĩa vụ tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý ngoại hối và cần tham khảo ý kiến ngân hàng nơi Nhà đầu tư mở tài khoản về yêu cầu mở Tài khoản IICA, các vấn đề liên quan đến các giao dịch thu chi liên quan đến hoạt động đầu tư và giao dịch Chứng chỉ Quỹ (bao gồm, nhưng không giới hạn giao dịch thu từ bán Chứng chỉ Quỹ, nhận cổ tức và các khoản lợi ích khác thu được từ hoạt động đầu tư và giao dịch Chứng chỉ Quỹ, giao dịch chi mua ngoại tệ), việc chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài và tài liệu xác minh dòng tiền. Công ty Quản lý quỹ và Đại lý Phân phối không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến việc ngân hàng của Nhà đầu tư từ chối thực hiện các giao dịch thu chi liên quan đến hoạt động đầu tư và giao dịch Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư thông qua Tài khoản IICA.

2. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ

2.1 Đăng ký giao dịch

2.1.1 Nhà đầu tư phải hoàn tất và gửi phiếu lệnh hợp lệ đến Đại lý Phân phối trước Thời điểm chốt sổ lệnh. Phiếu lệnh phải được điền đầy đủ thông tin bắt buộc theo yêu cầu, không tẩy xóa, chỉnh sửa thông tin. Phiếu lệnh không có đủ hồ sơ, thông tin theo yêu cầu, có yếu tố đáng ngờ hoặc vi phạm quy định của pháp luật, Công ty Quản lý quỹ hoặc Đại lý Phân phối về KYC, PCRT hoặc FATCA có thể bị từ chối thực hiện. Công ty Quản lý quỹ và Đại lý Phân phối có toàn quyền chấp nhận hoặc từ chối phiếu lệnh giao dịch căn cứ theo quy định của Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch này và các quy định pháp luật có liên quan.

2.1.2 Đăng ký giao dịch trong từng trường hợp cụ thể như sau:

- Giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ: Nhà Đầu tư gửi phiếu lệnh và thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quỹ theo quy định tại Điều 3.13.2, Chương X của Bản cáo bạch.
- Giao dịch bán Chứng chỉ Quỹ: Nhà Đầu tư gửi phiếu lệnh theo quy định tại Điều 3.13.3, Chương X của Bản cáo bạch.
- Giao dịch chuyển đổi: Nhà đầu tư gửi phiếu lệnh theo quy định tại Điều 3.13.4, Chương X của Bản cáo bạch.
- Việc hủy lệnh giao dịch phải được thực hiện theo quy định tại Điều 3.13.9, Chương X của Bản cáo bạch.

2.2 Chốt sổ lệnh và thực hiện các lệnh giao dịch:

- Việc chốt sổ lệnh thực hiện theo quy định tại Điều 3.9, Chương X của Bản cáo bạch.
- Các lệnh giao dịch có thể bị trì hoãn, từ chối thực hiện, không được thực hiện hoặc chỉ được thực hiện một phần, hoặc bị tạm dừng theo các quy định có liên quan tại Điều 3.13, Chương X của Bản cáo bạch.

2.3 Xác nhận giao dịch: Vào Ngày Giao dịch, việc gửi xác nhận giao dịch cho Nhà đầu tư được thực hiện theo quy định tại Điều 3.10, Chương X của Bảo cáo bạch.

2.4 Thanh toán giao dịch:

Việc thanh toán tiền bán cho Nhà đầu tư trong giao dịch bán Chứng chỉ Quỹ, xử lý tiền mua trong các giao dịch không hợp lệ cũng như xử lý việc thanh toán trong các trường hợp khác sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan tại Điều 3.13, Chương X của Bản cáo bạch.

PHỤ LỤC 3. TÓM TẮT ĐIỀU LỆ

Nhà đầu tư cần lưu ý những nội dung tại Phụ lục 3 này là nội dung tóm tắt của Điều lệ Quỹ. Để có đầy đủ thông tin, Nhà đầu tư cần tham khảo Điều lệ của Quỹ. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa nội dung của Bản cáo bạch này và Điều lệ của Quỹ, các quy định của Điều lệ Quỹ sẽ được áp dụng.

1. Các điều khoản chung

1.1 Nguyên tắc tổ chức

- Quỹ DCDE là quỹ đại chúng dạng mở, được tổ chức và hoạt động theo pháp luật hiện hành.
- Quỹ có nghĩa vụ phải mua lại Chứng chỉ Quỹ đã được phát hành cho Nhà đầu tư theo quy định pháp luật hiện hành.
- Cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ DCDE là Đại hội Nhà đầu tư.
- Ban đại diện Quỹ DCDE sẽ do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để giám sát các hoạt động thường xuyên của Quỹ DCDE, Công ty Quản lý quỹ DCVFM và Ngân hàng Giám sát.
- Công ty Quản lý quỹ DCVFM được chỉ định để quản lý hoạt động đầu tư của Quỹ DCDE.

1.2 Tổng vốn huy động và số lượng Chứng Chỉ Quỹ chào bán

Vốn điều lệ tại thời điểm chuyển đổi từ quỹ đóng sang quỹ mở của Quỹ DCDE là 806.460.000.000 đồng. Số vốn này được chia thành 80.646.000 Chứng chỉ Quỹ. Mệnh giá của mỗi Đơn vị Quỹ là 10.000 đồng.

1.3 Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý quỹ DCVFM được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ DCDE ra công chúng.

2. Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế đầu tư

2.1 Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu của Quỹ DCDE là tìm kiếm lợi nhuận dài hạn từ việc đầu tư vào chứng khoán vốn có nguồn thu đều đặn từ lãi và/hoặc cổ tức phù hợp với các quy định của hệ thống pháp luật Việt Nam, bản cáo bạch và điều lệ của Quỹ DCDE.

2.2 Chiến lược đầu tư

Chiến lược đầu tư của Quỹ DCDE là đầu tư vào cổ phiếu của các doanh nghiệp có lịch sử trả cổ tức đều đặn trong quá khứ và/hoặc các doanh nghiệp có kế hoạch trả cổ tức trong thời gian tới tại tất cả các ngành nghề và khu vực địa lý mà quy định pháp luật về quản lý hoạt động quỹ mở cho phép. Quỹ sẽ ưu tiên lựa chọn các doanh nghiệp có mức chi trả cổ tức tăng trưởng hằng năm vào danh mục. Trong điều kiện thị trường bình thường, quỹ sẽ đầu tư toàn bộ 100% tài sản quỹ vào cổ phiếu của những doanh nghiệp nêu trên.

Lĩnh vực đầu tư: Quỹ được phép đầu tư vào tất cả ngành nghề mà pháp luật quản lý quỹ mở hiện hành cho phép.

2.3 Tài sản được đầu tư và cơ cấu đầu tư

Quỹ DCDE sẽ phân bổ vào các loại tài sản như sau:

(a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;

(b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;

(c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;

(d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu chào bán ra công chúng;

(e) Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch;

Việc Quỹ đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm (e) khoản 2.3 này phải đáp ứng các điều kiện sau:

(i) Có quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch;

(ii) Đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;

(f) Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ.

Việc Quỹ đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm (f) khoản 2.3 này phải đáp ứng các điều kiện sau:

(i) Quỹ đang nắm giữ tối thiểu 50% số lượng mã chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của chứng khoán phái sinh;

(ii) Giá trị cam kết của các hợp đồng chứng khoán phái sinh dùng để phòng ngừa rủi ro không vượt quá 50% tổng giá trị danh mục chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của quỹ.

(iii) Việc đầu tư vào chứng khoán phái sinh phải được thực hiện theo quy trình sử dụng chứng khoán phái sinh để phòng ngừa rủi ro do Công ty Quản lý quỹ xây dựng, được Ban đại diện Quỹ phê duyệt trước khi áp dụng, cung cấp cho Ngân hàng Giám sát để giám sát việc tuân thủ quy trình. Quy trình phải quy định phương pháp định lượng xác định hệ số tương quan về rủi ro biến động giữa danh mục chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của quỹ với tài sản cơ sở của chứng khoán phái sinh; hệ số tương quan phải được xác định trước khi đầu tư vào chứng khoán phái sinh.

(g) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ;

(h) Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán và được thanh toán bằng tiền.

2.4 Các hạn chế đầu tư

2.4.1 Danh mục đầu tư của Quỹ DCDE phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch.

2.4.2 Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ DCDE bao gồm chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành, đồng thời phải đảm bảo:

(a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của quỹ tại ngân hàng giám sát, quỹ không được đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản theo quy định tại điểm (a), (b) mục 2.3 nêu trên;

(b) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm (a), (b), (d), (e), (f) và (h) mục 2.3 nêu trên phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Điều lệ Quỹ; phần đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm tính bằng tổng giá trị đầu tư của quỹ vào chứng quyền có bảo đảm của tổ chức phát hành chứng quyền;

(c) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm (a), (b) mục 2.3 nêu trên của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;

(d) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;

(e) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm (e) mục 2.3 nêu trên, trong đó, không được đầu tư quá năm phần trăm (5%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch bị hạn chế chuyển nhượng từ 03 năm trở lên;

(f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của quỹ; trong đó, hạng mục đầu tư lớn của quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định tại điểm (b), (d), (e) , (g) và (h) mục 2.3 nêu trên (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của quỹ;

(g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ;

(h) Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính quỹ đó;

(i) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm.

(j) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:

(i) Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

(ii) Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

(iii) Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.

(k) Không được đầu tư quá 5% tổng số chứng quyền có bảo đảm đang lưu hành của một mã chứng quyền có bảo đảm.

2.4.3 Cơ cấu đầu tư của quỹ mở chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại điểm (a), (b), (c), (d), (e), (f) và (j) mục 2.4.2 và chỉ do các nguyên nhân sau:

(a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;

(b) Thực hiện các khoản thanh toán của quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;

(c) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;

(d) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá 06 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;

(e) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

2.4.4 Công ty quản lý có nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin và điều chỉnh lại cơ cấu đầu tư của quỹ như sau:

(a) Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày có các sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại điểm (a), (b), (c) và (d) mục 2.4.3, Công ty Quản lý quỹ có nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin và thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp với quy định tại mục 2.4.2.

(b) Trường hợp sai lệch do công ty quản lý quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ quỹ, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm báo cáo, công bố thông tin và điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công

ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho quỹ.

(c) Trong thời hạn quy định kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

2.4.5 Công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ quy định tại điểm (a), (b) mục 2.3 nêu trên phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.

2.4.6 Quỹ thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và bảo đảm các nguyên tắc sau:

(a) Quỹ đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

(b) Quỹ chỉ được đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào các tài sản đã được quy định tại Điều lệ quỹ và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

(c) Quỹ không được đầu tư quá 20% giá trị tài sản ròng của quỹ ra nước ngoài và không vượt quá hạn mức đầu tư đăng ký đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận.

(d) Cơ cấu đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, điều chỉnh hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của quỹ phải tuân thủ quy định về cơ cấu đầu tư, hạn mức đầu tư, điều chỉnh hạn mức đầu tư theo các quy định tại Điều này.

2.5 Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ

(a) Công ty Quản lý quỹ DCVFM không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.

(b) Công ty Quản lý quỹ DCVFM không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật về ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện lệnh thanh toán các giao dịch Chứng chỉ Quỹ với Nhà đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ, không được quá năm phần trăm (5%) Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.

(c) Công ty Quản lý quỹ DCVFM không được sử dụng tài sản của Quỹ DCDE để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác. Công ty Quản lý quỹ DCVFM không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.

(d) Quỹ DCDE được thực hiện giao dịch mua bán lại công cụ nợ của Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch công cụ nợ của Chính phủ.

2.6 Phương pháp lựa chọn đầu tư

Các phương pháp lựa chọn đầu tư bao gồm:

(a) Áp dụng phương pháp sàng lọc theo cách tiếp cận từ trên xuống (Top-down) thông qua phân tích từ vĩ mô tổng quan nền kinh tế, đến phân tích xu hướng phát triển các ngành, từ đó chọn lọc những doanh nghiệp hàng đầu được hưởng lợi và có tiềm năng tăng trưởng.

(b) Sử dụng phương pháp phân tích cơ bản theo cách tiếp cận từ dưới lên (bottom-up) làm nguyên tắc chủ đạo nhằm thẩm định tiềm năng tăng trưởng, đánh giá tính bền vững và rủi ro của từng khoản đầu tư để đi đến quyết định đầu tư. Quỹ sẽ tiến hành thẩm định theo tuần tự (i) mô hình kinh doanh, loại hình sản phẩm hay dịch vụ đang cung cấp, tiềm năng tăng trưởng lợi nhuận, sức mạnh cũng như sự ổn định tài chính, giá trị tài sản, dự báo dòng tiền và chất lượng quản

trị; (ii) tình hình chung của ngành bao gồm tình hình cạnh tranh, thị phần, tiềm năng tăng trưởng; (iii) những thay đổi của các chỉ báo kinh tế và chu kỳ kinh tế, những ảnh hưởng của chính sách tài khóa và tiền tệ lên tổng sản phẩm quốc nội, lãi suất, lạm phát... Một khi các cổ phiếu đã được lựa chọn đầu tư, quỹ sẽ tiếp tục tích cực theo dõi và năng động trong quản lý danh mục với mục tiêu quản trị rủi ro và khả năng sinh lợi của các khoản đầu tư.

(c) Kết hợp linh hoạt chiến lược đầu tư giá trị với đầu tư tăng trưởng, ưu tiên các cơ hội đầu tư với giá trị cơ bản bền vững, có tiềm năng tăng trưởng và thu hút dòng tiền đầu tư trên thị trường.

2.7 Nguyên tắc, phương thức xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

(a) Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ tại ngày gần nhất trước Ngày Định giá. Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày Định giá. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường hoặc giá thị trường có biến động bất thường theo quy định tại sổ tay định giá và đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản).

(b) Ngân hàng Giám sát sẽ thực hiện giám sát việc xác định giá tài sản ròng (bao gồm tổng tài sản và tổng nợ phải trả) của Quỹ đồng thời sẽ thực hiện kiểm tra, bảo đảm giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ là đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ.

(c) Nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ được quy định tại Điều 4 Chương X của Bản cáo bạch này.

3. Đặc trưng của Chứng chỉ Quỹ

3.1 Nhà đầu tư

Nhà đầu tư của Quỹ có thể là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước sở hữu Chứng chỉ Quỹ. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng chỉ Quỹ sở hữu.

3.2 Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư

Nhà đầu tư có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

(a) Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của Quỹ tương ứng với tỷ lệ vốn góp;

(b) Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản Quỹ;

(c) Yêu cầu Công ty Quản lý quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ;

(d) Khởi kiện Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Giám sát hoặc tổ chức liên quan nếu tổ chức này vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình;

(e) Quyền được đối xử công bằng, mỗi Chứng chỉ Quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;

(f) Quyền tự do chuyển nhượng Chứng chỉ Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ;

(g) Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Quỹ;

(h) Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);

(i) Thực hiện quyền của mình thông qua Đại hội Nhà đầu tư và có nghĩa vụ chấp hành quyết định của Đại hội Nhà đầu tư;

(j) Nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ trong thời hạn quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua Chứng chỉ Quỹ;

(k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và tại Điều lệ Quỹ.

Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư sở hữu từ 5% và từ 10% trở lên tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành có thể có thêm các quyền về xem xét và trích lục thông tin, quản trị, yêu cầu Công ty Quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư bất thường, đề cử nhân sự Ban đại diện Quỹ như được quy định cụ thể tại Điều lệ Quỹ và theo quy định pháp luật.

3.3 Sổ đăng ký Nhà đầu tư

Tổ chức cung cấp Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời Sổ đăng ký Nhà đầu tư từ khi Quỹ hoàn tất đợt chào bán ra công chúng lần đầu.

Công ty Quản lý quỹ, Tổ chức cung cấp Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà đầu tư, kể cả Nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh. Thông tin về tài sản của Nhà đầu tư trên Sổ chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư. Quyền sở hữu của Nhà đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà đầu tư được cập nhật tại Sổ chính.

3.4 Quyền biểu quyết của Nhà đầu tư

Tất cả các Nhà đầu tư có tên trong Sổ đăng ký Nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự Đại hội Nhà đầu tư. Mỗi Đơn vị Quỹ sẽ có một quyền biểu quyết.

4. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, thanh lý, giải thể quỹ

Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định, được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận và được UBCKNN chấp thuận.

Việc giải thể Quỹ phải được tiến hành trong các trường hợp quy định tại Điều 67 Điều lệ Quỹ và thực hiện theo quy định pháp luật.

5. Cơ chế giao dịch Chứng chỉ Quỹ

Các quy định về giao dịch Chứng chỉ Quỹ, giá phát hành, giá mua lại, mua lại một phần, tạm ngừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ và thừa kế Chứng chỉ Quỹ được thể hiện tại các Điều từ 17 cho đến 20 của Điều lệ Quỹ.

Quy trình nhận lệnh bán, điều kiện thực hiện lệnh bán, quy trình nhận lệnh mua, điều kiện thực hiện lệnh mua, quy trình nhận lệnh chuyển đổi, điều kiện thực hiện lệnh chuyển đổi và các trường hợp mua lại một phần, tạm ngừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ được trình bày cụ thể tại Chương X của Bản Cáo Bạch này, cụ thể:

5.1 Quy trình nhận lệnh bán, điều kiện thực hiện lệnh bán

Được trình bày chi tiết tại Điều 3.13.3 Chương X của Bản cáo bạch này.

5.2 Quy trình nhận lệnh mua, điều kiện thực hiện lệnh mua,

Được trình bày chi tiết tại Điều 3.13.2 Chương X của Bản cáo bạch này.

5.3 Quy trình nhận lệnh chuyển đổi, điều kiện thực hiện lệnh chuyển đổi

Được trình bày chi tiết tại Điều 3.13.4 Chương X của Bản cáo bạch này.

5.4 Các trường hợp tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ, thực hiện một phần lệnh giao dịch, mức phòng vệ thanh khoản

- Các trường hợp thực hiện một phần lệnh giao dịch được trình bày chi tiết tại Điều 3.13.6 Chương X của Bản cáo bạch này.
- Các trường hợp tạm dừng giao dịch được trình bày chi tiết tại Điều 3.13.7 Chương X của Bản cáo bạch này.
- Trường hợp áp dụng mức phòng vệ thanh khoản được trình bày chi tiết tại Điều 3.13.8 Chương X của Bản cáo bạch này.

6. Nguyên tắc xác định giá giao dịch Đơn vị Quỹ

Nguyên tắc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ và giá trị giao dịch Chứng chỉ Quỹ được quy định tại Chương XI của Điều lệ Quỹ, bao gồm 5 Điều, từ Điều 55 đến Điều 59, quy định về xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, quy trình định giá tài sản quỹ, đền bù thiệt hại cho nhà đầu tư và quỹ do định giá sai, và nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá.

Nguyên tắc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ được trình bày cụ thể tại Chương X của Bản Cáo Bạch này, cụ thể:

6.1 Tần suất định giá và phương pháp xác định giá giao dịch trên một Đơn vị Quỹ

(a) Tần suất định giá được trình bày chi tiết tại Điều 4.1 Chương X của Bản cáo bạch này.

(b) Phương pháp xác định giá giao dịch trên một Đơn vị Quỹ:

(i) Giá phát hành (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng): bằng mệnh giá cộng thêm Giá dịch vụ phát hành;

(ii) Giá bán: được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ tính tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ cộng thêm Giá dịch vụ phát hành;

(iii) Giá mua lại: được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ tính tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ trừ đi Giá dịch vụ mua lại, và mức phòng vệ thanh khoản (nếu có)

Trong đó, giá trị tài sản ròng của một Đơn vị Quỹ bằng Giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số Đơn vị Quỹ đang lưu hành tại Ngày Giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá.

6.2 Công bố thông tin về giá giao dịch

Việc công bố Giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ cho Nhà đầu tư sẽ được thực hiện tại Ngày làm việc tiếp theo của Ngày Định giá đối với kỳ định giá ngày.

7. Các mức giá dịch vụ do Nhà đầu tư trả

Các mức Giá dịch vụ do Nhà đầu tư trả được quy định tại Điều 62 Chương XIII của Điều lệ Quỹ. Các giá dịch vụ do Nhà đầu tư trả bao gồm (i) giá dịch vụ phát hành, (ii) giá dịch vụ mua lại và (iii) giá dịch vụ chuyển đổi. Thông tin chi tiết về giá dịch vụ được trình bày tại Điều 3.5, 3.6 và 3.7 Chương X của Bản cáo bạch.

Việc tăng các mức giá dịch vụ chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá các mức tối đa tương ứng được nêu tại các mục trên. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sau 30 ngày kể từ ngày Công ty Quản lý quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của công ty.

8. Thông tin về các mức giá dịch vụ mà Quỹ phải trả

Quy định về các loại giá dịch vụ, phí và các chi phí hoạt động mà Quỹ phải chi trả được quy định tại Chương XIII của Điều lệ Quỹ, bao gồm Điều 63, Điều 64. Bao gồm giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ giám sát và lưu ký, giá dịch vụ quản trị quỹ, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các chi phí hạch toán vào Quỹ. Thông tin chi tiết về giá dịch vụ được trình bày tại Chương XI của Bản cáo bạch, cụ thể:

8.1 Giá dịch vụ quản lý quỹ

Được trình bày chi tiết tại Điều 3.1.1 Chương XI của Bản cáo bạch.

8.2 Giá dịch vụ giám sát và lưu ký

Được trình bày chi tiết Điều 3.2 Chương XI của Bản cáo bạch.

8.3 Giá dịch vụ quản trị quỹ

Được trình bày chi tiết tại Điều 3.1.2 Chương XI của Bản cáo bạch.

8.4 Giá Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng

Được trình bày chi tiết tại Điều 3.1.3 Chương XI của Bản cáo bạch.

8.5 Chi phí hạch toán vào Quỹ

8.5.1 Hạn mức:

Được trình bày chi tiết tại tại Điều 4.1 Chương XI của Bản cáo bạch.

8.5.2 Chi phí của Quỹ (do Quỹ chi trả):

Công ty Quản lý Quỹ sẽ thay mặt Quỹ để thực hiện ký kết các hợp đồng dịch vụ hợp lý, hợp lệ cho Quỹ, đảm bảo tuân thủ quy đinh của pháp luật và Điều lệ Quỹ cho các chi phí của Quỹ, bao gồm:

(a) Chi phí quản lý tài sản phải trả cho Công ty Quản lý quỹ;

(b) Chi phí lưu ký tài sản Quỹ, chi phí giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát;

(c) Chi phí Dịch vụ Quản trị quỹ, chi phí Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng và các chi phí hợp lệ khác mà Công ty Quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan;

(d) Chi phí kiểm toán trả cho Công ty Kiểm toán;

(e) Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác;

(f) Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư, Ban đại diện Quỹ;

(g) Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ;

(h) Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;

(i) Chi phí sửa đổi Điều lệ Quỹ vì quyền lợi của Nhà đầu tư;

(j) Thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện Quỹ. Thành viên của Ban đại diện Quỹ hoặc Thư ký Ban đại diện Quỹ là nhân viên của DCVFM sẽ không nhận thù lao;

(k) Chi phí về bảo hiểm (nếu có);

(l) Phí nộp cơ quan quản lý (phí xin giấy phép Quỹ);

(m) Thuế, phí, lệ phí mà Quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật;

(n) Lãi tiền vay phải trả cho các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật;

(o) Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban đại diện Quỹ quyết định và phù hợp với quy định của pháp luật;

(p) Chi phí liên quan đến việc chuyển đổi ngân hàng lưu ký, Ngân hàng Giám sát (nếu có) hoặc các tổ chức cung cấp dịch vụ khác;

(q) Giá dịch vụ môi giới, giá dịch vụ chuyển nhượng các giao dịch tài sản của Quỹ phải trả cho công ty chứng khoán không bao gồm bất kỳ một loại giá dịch vụ nào khác, kể cả đó là giá dịch vụ trả cho dịch vụ khác hoặc giá dịch vụ trả cho bên thứ ba (chi phí ngầm);

(r) Công ty Quản lý quỹ và Đại lý Phân phối chịu trách nhiệm thanh toán chi phí in ấn, phát hành các ấn phẩm quảng cáo, thông tin về sản phẩm Quỹ;

(s) Các loại chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật.

9. Phân chia lợi nhuận và chính sách thuế

(a) Việc phân phối lợi nhuận hàng năm thực hiện dựa trên đề xuất của Ban đại diện quỹ và được Đại hội nhà đầu tư thông qua.

(b) Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng đơn vị quỹ. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại của quỹ. Công ty quản lý quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại điều lệ quỹ; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

(c) Công ty quản lý quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối cổ tức cho nhà đầu tư.

(d) Cổ tức Quỹ được chi trả bằng tiền mặt hoặc bằng đơn vị Quỹ. Chỉ những nhà đầu tư được ghi trong danh sách nhà đầu tư tại ngày chốt quyền mới được nhận cổ tức quỹ. Trường hợp nhà đầu tư đã chuyển nhượng số đơn vị quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách nhà đầu tư và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức.

(e) Sau khi phân chia lợi nhuận, công ty quản lý quỹ phải gửi cho nhà đầu tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận quỹ, bao gồm các nội dung sau:

(i) Phương pháp phân chia lợi nhuận (bằng tiền hoặc bằng đơn vị quỹ);

(ii) Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;

(iii) Giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng đơn vị quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng đơn vị quỹ);

(iv) Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận;

(v) Các ảnh hưởng tác động đến giá trị tài sản ròng của quỹ.

(f) Nhà đầu tư trong quá trình mua/bán Chứng chỉ Quỹ có thể phát sinh các nghĩa vụ thuế phải trả theo quy định của pháp luật.

10. Đại hội Nhà đầu tư

10.1 Quỹ không bắt buộc phải tổ chức Đại hội nhà đầu tư thường niên.

Đại hội Nhà đầu tư được triệu tập trong các trường hợp được quy định tại Điều lệ Quỹ.

Tất cả các Nhà đầu tư có tên trong Sổ đăng ký Nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự Đại hội Nhà đầu tư.

10.2 Quyền và nghĩa vụ của Đại hội Nhà đầu tư

(a) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên của Ban đại diện Quỹ;

(b) Quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện Quỹ;

(c) Thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công ty Quản lý quỹ và Ngân hàng Giám sát;

(d) Xem xét và xử lý vi phạm của Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Giám sát và Ban đại diện Quỹ gây tổn thất cho Quỹ;

(e) Quyết định chỉnh sửa, bổ sung Điều lệ Quỹ;

(f) Phương án phân phối lợi tức;

(g) Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của Quỹ;

(h) Quyết định thay đổi Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Giám sát;

(i) Yêu cầu Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Giám sát trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội Nhà đầu tư;

(j) Thông qua báo cáo tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ;

(k) Thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ, doanh nghiệp thẩm định giá độc lập (nếu có);

(l) Giải thể, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách Quỹ theo quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành;

(m) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật về chứng khoán và Điều lệ Quỹ.

10.3 Thể thức tiến hành Đại hội Nhà đầu tư

(i) Công ty Quản lý quỹ triệu tập, tổ chức Đại hội Nhà đầu tư. Cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành khi có số Nhà đầu tư tham dự đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Nhà đầu tư tham dự.

(ii) Điều kiện, thể thức tiến hành theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Quỹ.

10.4 Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư

(a) Các quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua khi được số Nhà đầu tư đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà đầu tư dự họp tán thành hoặc năm mươi phần trăm (50%) tổng số biểu quyết của tất cả các Nhà đầu tư có quyền biểu quyết tán thành trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, ngoại trừ quyết định về các vấn đề đặc biệt được nêu cụ thể tại Điều lệ Quỹ thì chỉ được thông qua khi có trên sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số biểu quyết của của tất cả Nhà đầu tư dự họp tán thành và phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp.

(b) Nhà đầu tư phản đối các quyết định của Đại hội Nhà đầu tư liên quan đến các vấn đề đặc biệt như được quy định chi tiết tại Mục 5 Điều 25 Điều lệ Quỹ có quyền yêu cầu Công ty Quản lý quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ của mình sở hữu hoặc chuyển đổi sang quỹ khác cùng loại hình của Công ty Quản lý quỹ, chi tiết như quy định tại Điều 26 Điều lệ Quỹ.

11. Ban đại diện Quỹ

11.1 Tổ chức Ban đại diện Quỹ

(a) Ban đại diện Quỹ có từ ba (03) đến chín (09) thành viên, trong đó tối thiểu hai phần ba (2/3) số thành viên của Ban đại diện Quỹ là các thành viên độc lập không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Giám sát, hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này và đáp ứng các quy định khác tại Điều lệ Quỹ (nếu có). Nhiệm kỳ của thành viên Ban đại diện Quỹ không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

(b) Danh sách Ban đại diện Quỹ tại ngày hiệu lực của Bản cáo bạch này:

- Ông Đặng Thái Nguyên — Chủ tịch Ban đại diện Quỹ
- Bà Lê Thị Thu Hương — Thành viên Ban đại diện Quỹ
- Bà Phạm Thị Thanh Thúy — Thành viên Ban đại diện Quỹ

Thông tin chi tiết của Ban đại diện Quỹ được trình bày ở website Công ty DCVFM tại địa chỉ www.dragoncapital.com.vn.

11.2 Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện Quỹ

(a) Không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

(b) Không nhất thiết phải là Nhà đầu tư của Quỹ. Thành viên độc lập không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý quỹ và Ngân hàng Giám sát hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này. Nếu thành viên là Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ban đại diện Quỹ thì phải có trình độ quản lý kinh tế, tài chính, am hiểu công việc hoạt động kinh doanh của Quỹ đầu tư. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ phải là thành viên độc lập;

(c) Không thuộc các trường hợp không được là thành viên Ban đại diện Quỹ sau đây:

(i) Các trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị;

(ii) Là thành viên của trên 05 ban đại diện quỹ đại chúng, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.

11.3 Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện Quỹ

Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện được quy định chi tiết tại Điều 29 Điều lệ Quỹ.

11.4 Chủ tịch Ban đại diện Quỹ

Đại hội Nhà đầu tư bầu Chủ tịch Ban đại diện Quỹ trong số thành viên Ban đại diện Quỹ. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ phải là thành viên độc lập. Quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban đại diện Quỹ được quy định chi tiết tại Điều 30 Điều lệ Quỹ.

11.5 Thủ tục điều hành của Ban đại diện Quỹ

Trường hợp Chủ tịch Ban đại diện Quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên được Chủ tịch Ban đại diện Quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban đại diện Quỹ. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban đại diện Quỹ.

11.6 Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban đại diện Quỹ

Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban đại diện Quỹ được quy định cụ thể tại Điều 32 Điều lệ Quỹ.

11.7 Người đại diện theo ủy quyền của thành viên Ban đại diện Quỹ

Thành viên Ban đại diện Quỹ có thể ủy quyền cho người đại diện họp thay và biểu quyết tại cuộc họp Ban đại diện Quỹ.

11.8 Biên bản họp Ban đại diện Quỹ

(a) Điều kiện, thể thức tiến hành cuộc họp Ban đại diện Quỹ theo quy định tại Điều 33 Điều lệ Quỹ. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) tổng số thành viên trở lên tham dự, trong đó số thành viên độc lập phải chiếm trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên. Quyết định của Ban đại diện Quỹ được thông qua nếu được trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên số thành viên Ban đại diện Quỹ dự họp và trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên số thành viên Ban đại diện Quỹ độc lập dự họp thông qua.

(b) Cuộc họp Ban đại diện Quỹ phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Thư ký và chủ tọa phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Ban đại diện Quỹ tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực.

12. Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty Quản lý quỹ

12.1 Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý quỹ

Công ty Quản lý quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

(a) đã được UBCKNN cấp phép hoạt động quản lý Quỹ;

(b) hoàn toàn độc lập với Ngân hàng Giám sát;

(c) có đầy đủ khả năng thực hiện công tác quản lý Quỹ; và

(d) đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ quy định tại Điều lệ Quỹ.

12.2 Trách nhiệm và quyền hạn của Công ty Quản lý quỹ

Quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý quỹ được quy định chi tiết tại Điều 35 Điều lệ Quỹ.

12.3 Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Công ty Quản lý quỹ

Công ty Quản lý quỹ sẽ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp được quy định tại Điều 36.1 Điều lệ Quỹ. Trình tự, thủ tục, trách nhiệm, chi phí bồi thường liên quan đến việc thay đổi Công ty Quản lý quỹ được quy định chi tiết tại Điều 36 Điều lệ Quỹ.

12.4 Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý quỹ

(a) Công ty Quản lý quỹ không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Ngân hàng Giám sát, Ngân hàng lưu ký của Quỹ. Một số quản lý và các nhân viên của Công ty Quản lý quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại;

(b) Thành viên hội đồng quản trị, ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoài các loại giá dịch vụ, phí và mức giá dịch vụ, phí đã được quy định rõ tại Điều lệ Quỹ;

(c) Trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, Công ty Quản lý quỹ bảo đảm tuân thủ các hạn chế để bảo toàn tài sản của Quỹ, quy định chi tiết tại Điều 37.3 Điều lệ Quỹ;

(d) Công ty Quản lý quỹ chỉ được sử dụng vốn chủ sở hữu và vốn của các khách hàng ủy thác để mua và sở hữu (không tính số cổ phiếu trong danh mục của khách hàng ủy thác là quỹ hoán đổi danh mục) từ hai mươi lăm phần trăm (25%) trở lên tổng số cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đại chúng, chứng chỉ quỹ đóng đang lưu hành của một quỹ đóng khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện tại Điều 37.4 Điều lệ Quỹ;

(e) Công ty Quản lý quỹ không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam để cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán;

(f) Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ.

13. Tiêu chuẩn lựa chọn, quyền hạn và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát

13.1 Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát được chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

(a) Ngân hàng Giám sát do Công ty Quản lý quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán;

(b) Ngân hàng Giám sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với Công ty Quản lý quỹ mà Ngân hàng cung cấp dịch vụ giám sát. Ngân hàng Giám sát, thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban tổng giám đốc, nhân viên của Ngân hàng Giám sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản Quỹ không được là người có liên quan, có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Công ty Quản lý quỹ và ngược lại;

(c) Ngân hàng Giám sát, thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban tổng giám đốc, nhân viên của Ngân hàng Giám sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản quỹ không được là đối tác mua, bán tài sản của Quỹ;

(d) Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký; và

(e) Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như được quy định tại Điều lệ Quỹ.

13.2 Trách nhiệm, quyền hạn của Ngân hàng Giám sát

Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định chi tiết tại Điều 39 Điều Lệ Quỹ.

13.3 Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát sẽ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp được quy định tại Điều 41 Điều lệ Quỹ, và quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng Giám sát được chuyển giao cho một Ngân hàng Giám sát khác, ngân hàng lưu ký khác theo quy định của pháp luật.

14. Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo

(a) Công ty Quản lý quỹ sẽ đề xuất ít nhất hai (02) Công ty Kiểm toán để trình Đại hội Nhà đầu tư lựa chọn.

(b) Năm tài chính là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm.

(c) Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan đến công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

(d) Báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính hàng năm sẽ được soát xét bán niên / kiểm toán độc lập hàng năm bởi Công ty Kiểm toán. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban đại diện Quỹ và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ để Nhà đầu tư có thể tham khảo.

.....&.....